Năm thứ hai. - Số 81
Thứ tư
14 Janvier 1942

tri tân

tạp-chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê (VII) — Nguyễn-Văn-Tố
Thận-trọng đối với tiền-nhân — Tảo-Trang
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XII) — Ứng-Hoè
Am-Tiên (du-ký) — Hoàng-Minh
Bức thư dụ Lưu Vĩnh-Phúc về hàng — Biệt-Lam Trần Huy-Bá
Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ ? — Tiên-Đàm
Phi-luật-tân — Nhật-Nham
Lý Chiêu-hoàng (IV) — Phan Khắc-Khoan
Một cuộc ngâm thơ và họa đàn — Phạm Mạnh-Phan
Thoát cung vua Mạc (VII) — Chu-Thiên
Một số những nhà học thức ta xưa không phải không có óc phê-phán — Hoa-Bằng
Việt-Nam văn-học sử (XVIII) — H. B.

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
106 RUE DU COTON
HANOI

GIÁ BÁO :
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80
MỖI SỐ 15 XU

SỐ XUÂN TRI-TÂN
(NHÂM-NGỌ, 1942)

Chừng đến ngoài 20 tháng chạp ta, các bạn đọc thân yêu quí mến sẽ nhận được số Xuân Tri-Tân với bao cái ngạc-nhiên...

Ngạc-nhiên vì tấm bìa là một bức tranh rất đẹp, và nội-dung có mấy chục bức vẽ, do họa-sĩ Trịnh-Vân trình-bày;

Ngạc-nhiên vì ngòi bút khảo-cứu về Xuân rất công-phu của nhà học-giả Ứng-Hòe Nguyễn văn-Tố;

Ngạc-nhiên vì những bài về lịch-sử và văn học có dính-líu đến xuân do những cây viết đứng-đắn đã sưu-tầm được.

Ngạc-nhiên vì những thiên truyện ngắn có hứng-thú, thơ-ca đầy hùng-tráng, bài âm-nhạc đượm vui tươi...

Ngoài ra còn có nhiều bài tỏ được những đặc-tính của tờ Tri-Tân.

Các đại-lý nhận bán bao nhiêu, xin viết thư về cho Tòa báo biết trước.

TRI-TÂN

Trở lại vấn-đề phê-bình văn-học

Một số những nhà học-thức ta xưa không phải không có óc phê-phán

HOA - BẰNG

TRONG bài « Phê-bình văn học » ở Tri-Tân số 28, tôi đã nói lớn : « Người minh không phải là không có óc phê-bình. Mà nghề phê-bình không phải không chớm nẩy từ sớm. »

Nhưng dưới đó tôi thêm : « Tiếc rằng, về sau, vì lối học khoa-cử làm cho nghẹt-ngòi, nên nó chưa có dịp bồng bột phát-đạt lên được.»

Xin nhớ : tôi chỉ đổ tội cho lối học khoa cử *chứ không phải nói hết thảy các cụ nhà nho ta xưa không có óc phê bình đâu.*

Phải, trong đám cắp sách đi học, ta nên chia làm hai phái người : một phái chỉ có học mà không có thức ; một phái có học lại kiêm cả thức, nên gặp việc biết phán-đoán, không chịu nhắm mắt nô-lê cổ nhân. Phái này mới đáng gọi là chân nho, là quân tử nho, là người có sở-đắc ở Khổng phủ-tử. Vì chính Khổng phu-tử cũng là một nhà phê bình văn học của nước Tàu xưa.

Ngài có phê-bình như đã dẫn trong sách Mạnh-tử hai đoạn sau đây :

Thi vân : « Đại thiên chi vị âm vũ, triệt bỉ tang đỗ, trù mâu giũng hộ. Kim nhữ hạ dân. hoặc cảm vũ dư ? » Khổng-tử viết : « Vi thử thi giả kỳ tri đạo hồ ? Năng trị kỳ quốc gia, thùy cảm vũ chi ? »

Nghĩa :

Kinh Thi rằng : « Kịp khi trời chưa mưa dầm. đi lấy rễ dâu kia ràng rịt cửa tổ. Từ nay những người hạ dân ai dám khinh ta nữa ? » Đức Khổng-tử nói: «Người làm thơ này chẳng cũng biết đạo đấy ư ? Biết sửa-trị được nước nhà thì ai còn dám khinh rẻ. »

Và :

Thi viết : « Thiên sinh trưng dân, hữu vật, hữu tắc. Dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức. » Khổng tử viết : « Vi thử thi kỳ tri đạo hồ ? Hữu vật tất hữu tắc. Dân chi bỉnh di dã, cố hiếu thị ý đức. »

Nghĩa :

Kinh Thi rằng : « Trời sinh ra dân có sự vật thì có pháp tắc. Dân giữ đạo thường, nên ưa đức tốt ấy. » Đức Khổng-tử nói : « Người làm thơ này chẳng cũng biết đạo đấy ư ? Có sự vật thì có pháp tắc. Dân giữ đạo thường, nên ưa đức tốt ấy. »

Lại như trong Tả truyện *có chép một đoạn về việc « Trịnh Tử-Sản hiến tiệp ư Tấn » (Tù-Sản nước Trịnh dâng việc thắng trận sang nước Tấn). Trọng Ni nói rằng : « Chi hữu chi, ngôn dĩ túc chi, văn dĩ túc ngôn. Bất ngôn, thùy tri kỳ chí ? Ngôn chi vô văn, hành nhi bất viễn. Tấn vi bá, Trịnh nhập Trần : phi văn từ, bất vi công. Thận từ tai ! » (Chí đã có rồi thì lấy lời nói để tỏ cho chí ý được đầy đủ, dùng văn từ để tỏ cho lời nói được đầy đủ. Không nói, ai biết được chí mình ? Nói mà không có văn vẻ, thì truyền đi không được xa. Những việc như Tấn làm bá chủ, Trịnh vào Trần nếu không có văn từ để bày tỏ thì không có công hiệu. Phải cẩn thận về văn từ lắm thay !)*

Cứ mấy điều ấy làm lệ, đủ thấy Khổng phu tử xưa, đối với văn học, cũng có con mắt phê bình.

Học theo Khổng Mạnh hàng mấy nghìn năm, phần đông các nhà nho ta xưa cứ câu nệ ở những chỗ « thuật nhi bất tác » và « tín nhi hiếu cổ », song không sở đắc ở những điểm tinh tuý của Thánh Hiền : « Chúng hiếu chi, tất sát yên ; chúng ố chi, tất sát yên » và « tận tín thư bất như vô thư », nên trì phê bình mỗi ngày một mờ tối không phát triển được cái khiếu phê bình cố hữu của dân tộc Nam-việt như đã thấy trong ca dao :

Khen ai khéo tạc bình phong :
Ngoài long, lân, phượng, trong lòng gạch, vôi.

Và :

Khen ai khéo đúc chuông chì :
Dáng thì có dáng, đánh thì không kêu.

●

Đừng bì quan vội ! Lông phượng, sừng lân tuy hiếm, nhưng không phải không có trong loài chim muông. Những bực khác thường, tột vời thỉnh thoảng cũng ló ra trong văn học giới Nam việt, tôi muốn nói đến các ông Lê qui-Đôn, (1) Nguyễn văn-Siêu (2) và Nguyễn trường Tộ (3)...

Viết bộ Vân đài loại ngữ, *tác giả* Lê - qui - Đôn *có tỏ cho ta biết trong ông không phải thiếu óc phê-bình.*

Ông chê ý-kiến hẹp hòi của Minh Thành-Tổ (1403-1424) rằng : « Minh Thành-Tổ sai nho thần biên tập Tứ thư Ngũ kinh *đại toàn, mỗi sách chọn lấy lời chú giải của một vài nhà :* Mao thi *và* Tứ thư *thì dùng tập truyện của Chu-tử, kinh* Dịch, *theo truyện của Trình-tử và bản-nghĩa của Chu tử, kinh* Thư, *theo truyện của họ Sái,* Xuân thu *theo truyện của họ Hồ ; Lễ-ký, theo tập truyện của Trần-Hạo. Nếu lên rất tinh, không thể chê vào đâu được. Nhưng, bỏ hết không dùng những lời sơ, chú từ đời Tống trở lên, thì cũng hẹp nhỉ ! Ý tôi thì muốn cứ xếp những lời cổ - chú phụ vào ở dưới tập truyện khiến người xem được biết nguồn gốc để giúp cho sự khảo-cứu.. »* (Thư tịch).

Chẳng những vậy, ông Lê Quế-Đường còn biết ngờ về bộ Quản-tử *nữa : « Tôi ngờ bộ* Quản-tử *là do người sau làm giả-mạo ra, chứ*

không phải là nguyên-thư. Như nói : Sở-vương ưa lưng nhỏ mà mỹ-nhân có ăn, Ngô-vương thích gươm mà quốc-sĩ coi nhẹ cái chết : thời-đại đều không ăn hợp gì cả. » (Thư-tịch).

Ông Lê lại phê-bình về Liệt-tử *và* Trang-tử *rằng : « Liệt-tử và* Trang-tử *tức gọi là hạng ở ẩn-dật mà nói phóng-khoáng Rốt lại,* Liệt-tử *thì có thần-vận ;* Trang-tử *thì có khí-cách. »* (Thư-tịch).

◆

Vào khoảng đời Minh-mạng, (1820-1840), ông Nguyễn Văn-Siêu cũng là người biết phê-bình văn-học.

Trong bộ Phương-Đình tùy bút lục, *là một văn-phẩm do các đệ-tử ông đứng in sau khi ông mất được hơn 10 năm, những nét mực sót lại còn tỏ ra tác-giả Phương-Đình có trí sáng suốt trong việc phê-phán.*

Cử lệ :

Ông Nguyễn *bác từ thuyết của Khổng An-Quốc chia kinh* Thư *làm sáu « thể » đến thuyết của Khổng Dĩnh-Đạt chia kinh* Thư *làm mười « lệ » : « Thánh-nhân san kinh* Thư *vẫn giữ lấy những dấu-vết đã qua, khiến cho nghìn năm sau tìm lấy những cớ trị, loạn, hưng, phế để làm gương răn, chứ há lại có « thể » với « lệ » ? Huống chi trải qua ngọn lửa nhà Tần, kinh* Thư *đã không được trọn đủ ; cứ theo thành thư mà đặt ra « thể » với « lệ », còn chỗ khác không nói được hết, thì có ích gì cho việc học kinh nữa ? » (Phương-Đình tùy bút lục, quyển 1, tờ 35b-36a).*

Ông lại bẻ Khổng-Phụ dẫn lời của Thánh-nhân nói về mỗi thiên trong kinh Thư *có một cái đáng xem, như ở* Đế-điển *(hai thiên Nghiêu-điển và Thuấn-điển) có thể xem cái đẹp ; ở* Võ-mô *và* Võ-cống *có thể xem công-việc ; ở* Cao-dao *và* Ích-tắc *có thể xem chính-sự ; ở* Hồng-phạm *có thể xem pháp-độ ; ở* Thái-thệ *có thể xem nghĩa ; ở* Ngũ-cáo *(năm thiên Cáo) có thể xem nhân ; ở* Phủ-hình *có thể xem điều răn. »*

Để bác lại thuyết ấy, ông Phương-Đình nói : « Đó không phải là lời của Khổng-tử. Hễ bàn-luận về sách cổ mà muốn nêu một lời để bao-trùm lấy tất cả thì ý-nghĩa ấy tất phải giản-dị và rõ-ràng, như Trình-tử bảo xem Nghiêu-điển, *nên biết vua Nghiêu trị dân ra sao... đọc* Thuấn-điển, *nên biết ông Thuấn thờ vua ra sao... Như thế mới có ý-nghĩa. Nếu bảo ở* Đế-điển *có thể* xem cái đẹp, *thì có dính-líu gì đâu ? Huống chi lại phân biệt nào* xem công-việc, *nào* xem chính-sự *như vậy ? Lời của Thánh-nhân quyết không thế. »* (Phương-Đình tùy bút lục, *quyển 1, tờ 36).*

Ông Phương-Đình lại cho tập-truyện của họ Sái là ức-thuyết ở chỗ nói về vua Thành-vương ngờ ông Chu-công (coi P. Đ. T. B. L. quyển 1 tờ 47b - 49a), cho tập-truyện của Thu-tử là có nhiều cái đáng ngờ ở chỗ tổng-luận về Chu-nam và Thiệu-nam (coi P. Đ. T. B. L. quyển 1 tờ 58 b - 63 a).

◆

Hơn hết đám nhà nho ở đời Tự-đức (1848 - 1883), ông Nguyễn Trường-Tộ có con mắt phê-bình rất sáng-suốt. Chính-kiến của ông gồm ở những thiên điều-trần rất có giá-trị tuy không được ứng-dụng ở đương-thời, nhưng đủ làm cho chúng ta nay phải kinh-phục những trác-thức ấy.

Trong thiên Tế cấp bát điều, *điều thứ tư, ông có nói :*

« . . . Thơ phú chỉ chau-truốt những lời cho đẹp như mây, nhẹ như gió, sầm-sập như mưa, lờ-mờ như mù, chứ nào có đem ra mà ăn cho khỏi đói được đâu. Kinh-nghĩa đã có những chú-thích của tiên nho rồi, cần gì phải chắp-chắnh thêm vào cho rườm nữa?.. »

Khi bàn đến việc học, ông phê-bình về lối học viển-vông, không chú-trọng đến thực-tế rằng : « Giả thử người ta dụng công chăm học về hình-luật, tài-chính, kiến-trúc, tàm tang, canh, chức, và những phương-pháp mới ngày nay để thay cho lối học những tên người, tên đất, chính-sự, nghĩa-lý từ đời Đường, Ngu đến lớp Tống, Nguyên, thì cũng có thể làm cho nước nhà trở nên phú cường được. Vậy, trong dân-gian, tại sao không mấy ai chịu đua nhau học lấy những điều thực-dụng đó, song chỉ bàn xuông những việc về đời Phục-Hi và Thần-Nông ? » (Tế cấp bát điều).

Xem tiếp trang 23

---

1) Lê Quí-Đôn, tự là Doãn-Hậu, hiệu là Quế-Đường, người làng Diên hà, tỉnh Thái-bình, hồi 18 tuổi, đỗ giải-nguyên ; qua năm 1752, niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 13 đời Lê Hiển Tông, ông đậu bảng-nhãn. Ông có làm được những sách như *Vân-Đài Loại Ngữ, Phủ Biên Tạp Lục, Kiến Văn Tiểu Lục, Thông Sử, Quần Thư Khảo Biện, Toàn Việt Thi Lục, Quế-Đường Thi-Tập, vân vân.*

2) Nguyễn Văn Siêu, tự Tốn-Ban, hiệu Phương-Đình, người làng Kim-lũ, huyện Thanh trì, tỉnh Hà-đông, thụ nghiệp nơi Phạm Lập-Trai tiên-sinh ở Lương-đường. Ông đỗ cử-nhân năm Minh-mạng thứ sáu, 1825 và đậu phó bảng năm Minh-mạng thứ mười chín, 1838. Tác phẩm của ông Phương-Đình có *Tùy-bút-lục* sáu quyển, *Địa-chí* năm quyển, *Văn-tập* năm quyển, *Thi-tập* bốn quyển.

3) Nguyễn Trường-Tộ, người làng Bùi-chu, tổng Hải-đô, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an, sinh năm Minh-mạng thứ chín, 1828, mất năm Tự-đức thứ hai mươi bốn, 1871. Ông có những tập *Điều-trần* dâng lên vua Tự-đức để bày tỏ chính-kiến và bàn việc cải cách quốc-gia. Ngoài ra, ông còn nhiều bài văn thơ rất có giá trị. (Coi thêm cuốn *« Nguyễn Trường-Tộ »* của Từ-Ngọc).

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

SỐ 7 Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHOA kỷ-dậu, năm Thuận-thiên thứ hai (1429), ngoài ông Triệu-Thái, Trình-thuấn-Du và Phan-phu-Tiên, quyển *Đăng khoa lục* còn chép tên ông Nguyễn-thiên-Túng, Võ-vĩnh-Trinh, Nguyễn-khắc-Hiếu và Trình-Hiền.

Nguyễn-thiên-Túng, tên tự là Ước-phủ, người huyện Đông-ngàn (Đức-giang), làm trợ-giáo ở Quốc-tử-giám, cùng với Nguyễn-thiên-Tích ở Gián-viện (tòa can-ngăn vua), hay nói thẳng. Vua Thái-Tôn (1433-1442) sai xét lại quyển *Địa-dư chí* của ông Nguyễn-Trãi. Trong bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê-quí-Đôn (quyển 9, tờ 28 b) còn chép lại mười bốn bài thơ chữ của ông Nguyễn-thiên-Túng, có bài nói về giếng nước (*Tỉnh*), thả cá (*Phóng ngư*), áo giấy (*Chỉ-y*), có bài đề là *Xuân-nhật tức-sự* (Ngày xuân tức cảnh), *Tầm-dương vãn bạc* (Buổi chiều thuyền đậu bến Tầm-dương), v. v. (chép theo *Đại-Nam nhất thống chí*, Bắc-ninh tỉnh, soạn về đời Tự-đức, sách viết của Bác-cổ, tờ 31 b; *Toàn Việt thi lục*, q-9, tờ 28 b).

Võ-vĩnh-Trinh, tên tự là Hựu-chi, người huyện Thiện-bản (Kiến-hưng), làm quan đến Hàn-lâm-viện đại-học-sĩ, quyền Lễ-bộ hữu-thị-lang, kiêm Bí-thư-giám tri kinh-diên-sự. Khoảng năm Quang-thuận (1460-1470) làm tham-tri ở Tuyên-chánh-sứ ty Hải-tây đạo. Có viết bài thơ *Châu-sơn*, *Cổ-pháp lăng*, *Đăng Yên-phụ sơn*, v. v., hiện còn sao trong *Toàn Việt thi lục* (sách viết của Bác-cổ, số A 1262, q 10, tờ 2 a).

Nguyễn-khắc-Hiếu, tên tự là Thuấn-thần, người Bình-lục (Lý-nhân), làm quan đến Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ nhập-thị kinh-diên. Năm Thái-hòa thứ nhất (1443), nhà Minh sai Quang-lộc tự-thiếu-khanh là Tống-Kiệt, Binh-khoa cấp-sự-trung là Tiết-Kiệm sang phong vua Nhân-Tôn (1442-1459) làm « An-nam quốc-vương ». Lúc sứ Tàu về, vua sai Nội-mật-viện chính-trưởng là Trình-Thanh và Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ là Nguyễn-khắc-Hiếu sang tạ việc sách-phong (*Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, chính-biên, q. 17, tờ 26 a). Nguyễn-khắc-Hiếu có để lại bốn bài thơ chữ chép trong *Toàn Việt thi lục* (q. 9, tờ 16 b): *Tùng-đài*, *Hương-giang dịch*, v. v.

Trình-Hiền, người huyện Cổ-hằng (Thái-nguyên), làm Chuyển-vận-sứ, sau, làm Thị-ngự-sử. Có viết hai bài thơ đề là *Dạ bạc Hoa-lư hữu cảm* và *Ngụ-cư tự-thaật hoài*, còn chép trong *Toàn Việt thi lục* (q. 9, tờ 17 b)

◆

Năm Thuận-thiên thứ tư (1431), vua Lê Thái-Tổ (1418-1433) ngự ở hành-cung Bồ-đề, mở khoa thi « Hoành-từ », ai trúng-tuyển bổ làm ngự-tiền học-sinh (*Cương-mục*, q-15, tờ 28 a). Trong số những ông trúng-tuyển, quyển *Đăng-khoa-lục* chỉ còn chép có năm ông, là Nguyễn Thiên-Tích, Trình-Thanh, Đặng Huệ-Liên, Chu Tam-Tỉnh và Trần-Phong.

Nguyễn Thiên Tích, tên tự là Huyền-Khuê, người Nội-duệ (Tiên-du). Năm Thiệu-bình thứ nhất (1434), vâng mệnh làm phó-sứ sang nhà Minh, tạ việc sứ Tàu sang tế. Lúc về thăng ngự-sử, dự việc giấy má giao thiệp với các nước ngoài. Mùa hè năm Đinh-tị (1437), tâu bạch Trì-từ tụng là Trịnh Khắc-Phục, Doanh-giải quản-lĩnh là Lê-Trung về việc ngang trái: vua Thái-Tôn (1433-1442) không xét, Nguyễn Thiên-Tích xin bãi chức. Sau vua lại vời ra. Thiên-Tích lại tâu bạch Lê-Sát chuyên quyền: Sát phải tội. Mùa đông năm Mậu-ngọ (1438) Thiên-Tích sung làm Cống-bộ phó-sứ, thiên làm Hàn-lâm-viện thị-độc. Mùa đông năm Nhâm-tuất (1442) vâng mệnh soạn văn bia lăng Hựu-lăng. Khoảng năm Thái-hòa (1443-1453), vua Nhân-Tôn (1442-1459) cho làm Nội-mật-viện phó-sứ, bị vu cáo mất chức, sau lại được khởi dụng, làm Hàn-lâm trí-chế-cáo. Vua Thánh-Tôn (1460-1497) lên ngôi phong cho làm Binh-bộ thượng-thư, gặp việc gì cứ nói thẳng, không e-lệ. Vua khen rằng: « Họ Vương (Bột) họ Hàn (Dũ) ở đời nhà Đường cũng không hơn ». Sau có việc bị khiển-trách, nhưng rồi lại được phục chức, kiêm Tế-tửu, cai quản trường Quốc-tử-giám. Quyển *Lịch-triều hiến-chương* của ông Phan Huy-Chú (q-7) khen là « người văn học đắc-dụng, tính nết khảng-khái, sau trước không thay đổi, làm quan bốn triều, đều trọng là người có khí-tiết ». Con là Nguyễn-Kim, đỗ tiến-sĩ xuất thân năm Hồng-đức thứ sáu (1475).

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đón coi:

Trả lời ông Nguyễn Tiến-Lãng ở báo « La Patrie Annamite ».

của HOA-BẰNG

Mảnh sử-liệu

Bức thư dụ Lưu Vĩnh-Phúc về hàng (1)

NGÀY mồng 3, tháng 5, năm 1884, sau trận Tuyên-quang, quân Cờ-đen đại bại, tiến thoái lưỡng nan, nhà quân-sự Pháp (2) nhân cơ-hội ấy, có viết cho Lưu Vĩnh-Phúc, tướng giặc Cờ-đen, một bức thư dụ Lưu về hàng. Nay xin tạm dịch ra quốc-văn như sau này để thêm tài-liệu vào đoạn sử cận-đại.

« Quan Bắc-Kỳ Lại-bộ Thượng-thư, kiêm chưởng thông quốc chính-sự-vụ nước Đại-Pháp ngỏ nhời cùng Lưu Đề-đốc, đại tướng quân Cờ-đen, biết rõ : « Đề-đốc chống nhau với nước Đại-Pháp ta, ấy là mệnh giời không thuận cho làm rồi. Sao Đề-đốc không biết thuận vâng mệnh giời như thế ? Nếu Đề-đốc khéo suy-tính, chắc biết rằng muốn bảo-toàn lợi nhớn thì nay còn có nước nào hơn ? Nước Đại-Pháp ta tuy đánh quân Đề, nhưng cũng tiếc Đề là bực thông-minh trí dũng, mà quân Đề cũng là quân khỏe-mạnh. Giá Đề quay về với nước Đại-Pháp ta, thời được làm quan đại-thần có danh-vọng, mọi việc cũng được thịnh-lợi. Nếu cứ theo lối trước mà trái nghịch chống cự với nước Đại-Pháp, thì không những mất hết danh chức, mà dù có thiết lập đồn lũy, tìm nơi hiểm-yếu để cố thủ hay là trốn vào rừng núi, lánh về nước Tàu đi nữa, cũng không được nào !

« Bản-chức vốn tiếc người có tài trong thiên-hạ, nên đã bẩm quan Nguyên-soái đại thần nước Pháp, cho phép bản-chức dụ Đề về hàng, sẽ cho Đề giữ một quyền lớn, để xứng-đáng với tài, chứ không phải ban cho tước nhỏ đâu ! Như thế thì quân của Đề và quan quân nước Pháp sẽ hòa-hiệp với nhau không có điều gì trái-nghịch nhau nữa : thật hay lắm !

« Vậy Đề muốn thế nào, nên giả nhời cho bản-chức biết, hoặc muốn bản-chức sai người đem cho giấy thông-hành để khỏi bề trở-ngại, cũng nên có nhời lại, để Đề được cùng các quan Đại-Pháp cùng thương lượng liệu định việc lớn thì hay lắm.

« Nay nhời gửi »

●

Lưu Vĩnh-Phúc, sau khi tiếp được bức thư trên, tuy thế đã cùng, lực đã kiệt, nhưng vẫn còn ngạo-nghễ, dám viết một phong thư phúc đáp với một giọng rất kiêu-căng.

Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

1) Theo sách Việt-sự bị khảo, *số 1326 của viện Bác-Cổ.*

2) Có lẽ là thư của quan Thống-tướng Millot chăng ?

Chất-chính cùng các bực thức-giả

Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ ?

TRONG Tri-Tân số 28, ban Nhật-Nham viết ông Tả-quân Lê-văn-Duyệt là người Nam-kỳ, các sách cũng chép như thế cả.

Vừa rồi, tình cờ tôi được hầu chuyện một cụ lão nho, cụ cho biết rằng, cách đây 30 năm, cụ có lên Vĩnh-yên, được xem di-tích của tổ-tiên ông Tả-quân Lê-văn-Duyệt, miếu thờ và bi ký. Vậy tôi xin cứ nguyên câu chuyện thuật ra sau đây để chất chính cùng các bạn khảo-cứu về lịch-sử :

Ở tỉnh Vĩnh-yên, giáp đường thiên lý thuộc huyện Yên-lạc, có một làng tên là Tê-lỗ (không biết nay đổi là gì) đâu làng có một cái miễu nhỏ, tương truyền là tổ mộ nhà quan Tả-quân Lê văn-Duyệt, bên cạnh có bia, đại-ý trong bia ghi rằng :

Ông tứ-đại nhà ông Tả-quân Duyệt khi trước là một cụ đồ làng, ngồi dạy học ở trong chùa, nhân được ngôi sinh phần thày tàu để (1) sinh hạ được một cậu con, lúc bé đi đồng, bị chó ngoài đồng cắn đứt mất ngọc-hành, nhớn lên, tính thích chơi chó săn (2) và được dâng vào cung Hậu-Lê làm thái-giám.. Sau vì có quân-công, thăng đến chức Tả quân, thủy-sư đô-thống-chế, tước Viên tường hầu (không biết tên là gì). Đến đời ông thân-sinh ra ông Lê văn-Duyệt (3), nhân vì ông Duyệt can án ngộ sát, nên hai cha con mới trốn vào Nam và nhập-tịch.

Hiện nay ngoài cửa miễu ông Viên tường hầu có rất nhiều chó đá. Còn họ Lê, khi hai cha con ông Duyệt bỏ trốn, từ những họ hàng còn ở lại, vì sợ phải tội, đều cải sang họ Bùi.

Lại tương truyền khi vua Gia-long bình định xong Bắc-hà, có sai đắp đường thiên lý ở Vĩnh yên, qua làng Tê lỗ, ngoặt đường chính vào ngôi lỗ mộ nhà ông Tả-quân. Khi ấy, ông Lê văn Duyệt đang làm tổng trấn Nam kỳ, mật sai con nuôi là Lê văn Khôi ra Bắc, ngầm nhổ cái tiêu và cắm xa ra hơn hai trăm thước. Bởi vậy, đoạn đường này cong vì phải đắp vòng.

TIÊN-ĐÀM thuật

1) Tục truyền ngôi mộ ấy là kiểu đất « Gia viên ẩm thủy, vị cực nhân thần ». Nghĩa là con vượn uống nước, ngôi đến quan cực phẩm. Người tàu lại lừa đào mất một hòn đá ở mộ, nên người nào xuất thân yêm hoạn mới làm nên.

2) Lúc ấy lối chơi chó săn, gà trọi rất được ham chuộng trong cung nhà vua và phủ chúa Trịnh.

3) Tục truyền ông Lê văn Duyệt tự hoạn, để giúp vua Gia-long, vì có người thày tướng nói là con ông về sau sẽ khuynh đảo xã tắc, nên ông muốn tỏ hết lòng trung với vua. Nếu quả câu chuyện có thật, thì những anh thuật số thật là ngu hiểm.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 12

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XXXVII

Chung - tình (1)

A. — Lân-la từ trải khắp miền này,
Đất sỏi ai ngờ có chạch đây ?
Dệt gấm vẽ rồng ghê-gớm nhỉ,
Phun châu nhả ngọc lạ lùng đời !
Cải-kim ước vẹn duyên nghìn kiếp,
Giăng-gió mang bao nghĩa một ngày.
Ngọc tốt vàng dòng hai giả ấy,
Gớm cho thơm để thế-gian hay !
B, 1. — Vâng thấy vân-tiên trọng hậu thay !
Nghĩa này muôn kiếp gió khôn lay!
Bỡn-bờ quen thói dày khuây bỗng.
Chỉnh-túc nghiêm-từ chửa dễ vơi,
Ấp ngọc ôm vàng chi dám tưởng ?
Gần hương bén xạ họa là may!
Phong tống Đằng-vương nhờ trận gió.
Đây dun hồng-diệp tới cong tay,
B,2 —. Lá hồng duyên thắm họa may,
Ắt là khuôn tạo giúp tay thợ giời.
Nhẽ đâu dám tiện nhiều nhời,
Gọi rằng thơ trước trình-bầy vớt sau.
Nôm na vẽ dấu lấy màu,
Đã lòng ký-vãng, lại hòng tương-lai !
B, 3. — Từ thấy tin ong nghĩ ngán đời !
Ngán rằng sao bỗng dám thày-lay !
E vì nghiêm-mật không cho thấu,
Thẹn nỗi lần-khân chợt nói ngây !
Lòng nọ thề kia ấy thực,
Duyên kia chợt thấy rằng may !
Chẳng hay tố định bao giờ tá ?
Không bỗng sao nên nỗi nước này ?
B, 4. — Quan nhậm châu khách Hoan-châu,
Cầm-bằng mà cũng chẳng nên rầu.
Nay phảng-phất thông tin sứ,
Vò thấu chung-tình nỗi nhỏ to.
B, 5. — Chung-tình thấu nỗi nhỏ to
Nhẽ mà nên nghĩa Trần Chu một nhà,
Quan san nào ngại-ngùng xa
Song duyên cậy cớ giăng già rủi đun.

(Trích ở *Quốc âm thi-ca tạp-lục*. sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 296.)

XXXVIII

Văn miếu

Bài dẫn, *bằng chữ nho dịch ra quốc văn.* Ta nối trị nền vương, thân coi việc nước, kính giúp nhà vua, vững yên bờ cõi. Đem văn-giáo để phấn-sức cuộc thái-bình, kén nhân tài để cổ vũ việc trị nước. Bởi nhân-nghĩa lễ-nhạc, phải có tôn-sư, nên ta xem xét phép thịnh, có đến nhà Thái-học, làm lễ bái yết, rất là kính cẩn. Sáng sủa như mặt giăng mặt giời, mênh-mông như vực như suối, lòng sốt-sắng hứng-khởi, nẩy tứ làm thơ, như mưa ngọt ở ao vàng, mây nổi ở trên không. Ngâm thành hai bài thất ngôn Đường-luật và hai bài thơ quốc âm, để tỏ sự đạo đức công-nghiệp của thánh-nhân. Tuy thế cũng chưa dễ thấy cái bờ-bến ở bể khơi, song cũng đủ rõ cái ý rất sùng nho trọng đạo, lưu truyền trên mặt bia đá.

1. — Xem thấy nguy - nga chỉn khác vời,
Kính thành khẩn - khẩn dám thường chơi (2)
Qui-mô vững đặt cao nền đạo,
Lễ nhạc dùng là rộng phép người,
Đức vi giang hà nhuần chốn-chốn,
Công tầy nhật nguyệt sáng đời-đời.
Dốc sinh có đứng làm tiêu-chuẩn,
Ý hậu tư dân tượng ở giời.
2. — Tôn-trọng khôn so biết mấy vời,
Lẫm nhiên nhường ấy há rằng chơi (3) ?
Vang-vang đường-bệ nghiêm ngôi thành,
Vòi-vọi uy-nghi hiển đức người.
Minh phị-ẩn hằng yên tinh-vật,
Trí trung-hòa đã đáng danh đời.
Đành hay lấy đấy gìn tôn-pháp,
Sự sự thi-vi thuận nhẽ giời.

(Trích ở *Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách vịnh thi-tập* của Trịnh-Căn, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác - cổ, số A B 544, tờ 6b-8b.)

XXXIX

Ngã ba Hạc

Xinh thay ngã ba Hạc, lạ thay ngã ba Hạc ! Dòng thấm một dòng, ngả chia đôi ngả. Ngóc-ngách khôn đo rộng hẹp, doành bích lợn doành đào ; lênh-láng dễ biết nông sâu, nước lờ pha nước bạc.

Nẻo xưa vũ-trụ mở-mang, kiền khôn xếch-xác ; chân-tình chứa dẫy hải-hà, tú-khí còn ngưng quang nhạc. Vua Bàn-cổ mở lò tạo hóa, hồng mông đà lẽo đẽo thêm xuân ; họ Hữu-Ngu khói

1) Những bài đăng ở số này chưa hề in ra quốc-ngữ bao giờ. Trên bài *Chung tình* có mấy câu dẫn bằng chữ nho, dịch đại-khái như thế này : « Đem sắc vàng đi làm quan ở châu xa. Vợ cả ở kinh. Đi đường không có nội-trợ. Nay gặp một người tử-tế, tình-nghĩa giao-du. Mặt giăng lặn trước cửa mành, gió thổi ngoài màn, ngồi làm một bài thơ để cùng thương nhớ. » Bài thơ ấy chúng tôi đánh dấu chữ A. Còn những bài chữ B là của người đan bà. Trên không có nhan-đề.

2) Có bản viết là : «Kính thành khẩn khẩn dám lung chơi».

3) « Lẫm nhiên nhường ấy há ngờ chơi ».

mạch sơn xuyên, cương-giới vẫn rành-rành như tạc.

Vậy có dải đất đoài phương, cõi giời Nam-quốc. Trên xô nguồn, nguồn chảy vần vơ; dưới ngấn nước, nước xuôi tuồn-tuột. Ba góc bờ tre văng-vẳng, huyệt linh-qui chênh hẻm đá gồng-ghềnh; một chòm bãi cỏ phơi-phơi, hang anh vũ thấu lòng sông huếch-hoác. Dưới thì tiêu-sái mọi bè, thanh tao nhiều cuộc. Rủ dây dù ông Lã máy cần, trần-trã mặc đứa đồng ngâm nước; bè khách-thương bạ bến, tượng chân qui gối lặc cầy sâu; thuyền ngư phủ trôi dòng, dang nách khom lưng chèo phơi tuyết.

Trên thì một vẻ một màu, mỗi chiều một khác. Sương gieo ngọn cỏ ngọc đầy đầy, đá dãi hơi sương vàng xua-xủa. Dùi điểm thùng-thùng trống gọi, điếm tuần-ti dồn dã khách vào thưa, chầy đấm văng-vẳng chuông nghe; nhà Phật-tự lao xao người đến họp.

Càng qui nữa cảnh sắc nhẫn nay, phong quang gồm trước. Địa-đồ tự mở chốn doanh-cung, Thiên-hiểm để khoe bề anh-thạc. Trôi trôi dài hơi cốc lặn, mênh mang vãy nước ao thành; vênh-vênh thẳng cánh cò bay, sẵn nước doành ngân bến Bác.

Nào hiểm chi cảnh chấn tiêu tương, đồ tranh thủy mạc. Nguồn Tào kia cũng nguồn Tào, nước Nhược nọ cũng nước Nhược; ngày tháng thoi đưa thấm-thoắt, khách câu giăng ngồi đợi nhiều phen; xưa nay chiều dẫy lăm-tăm, cảnh chỉ gió buồm lồng mấy cách.

Nay mừng vận mở tam đương, tộ yên chín vạc. Trên dẫu rằng vén tay nhà Tống, gia sức anh-quyền; dưới cũng vui vỗ bụng giời Nghiêu, xướng ca canh-tác.

Dầy nhân qua miền Tam-đái, tắt nẻo sông Lô, thấy ngã ba Hạc xinh thay, làm ra một phú, dù hay dở thế nào, xin chớ bới lông tìm vết (1). Ai nghĩ lại mà xem, cũng không kể sẵn trần-gian khoái lạc.

(Trích ở *Ca điệu lược ký*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 456, tờ 71 a-72 b).

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Bản sao của trường Bác-cổ chép là: « Gọi là một phú, dù hay dở khôn dại, xin chớ bới lông tìm vết »; chúng tôi dịch theo bản nôm của một người bạn, chưa chắc đã đúng nhưng nghe trôi hơn.

Ai cũng phải đón đọc SÁCH TẾT của QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

TRĂM HOA

phê-bình thơ Tết, thơ Xuân của hơn 50 thi-gia Nhật-Bản, Trung-Hoa, Việt-Nam cổ và kim. Sách in toàn giấy dó, bìa mỹ thuật giá đặc-biệt 0 p, 60.

Đầu tháng chạp ta đã có bán.

Viết thư cho M. Lê văn-HÒE giám-đốc Quốc Học Thư-Xã 16 bis Tiên Tsin Hanoi.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:
Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả:
Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15 p. 00

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi:
Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p. 00

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi xuất-bản

MỘT BUỔI NGÂM THƠ VÀ HỌA ĐÀN

MỘT chiều đông lạnh. Trong một gian phòng nhỏ hẹp với một cảnh trí đơn sơ và thanh đạm, với những bàn ghế thường dùng mà thân mật và với cả một lọ hoa xinh đẹp tươi tốt ở giữa căn phòng, cuộc gặp mặt của vài bạn văn nhân, thi nhân và nhạc gia đã nhóm lên trong một bầu không-khí ấm vui êm dịu.

Mấy bạn gái sẵn lòng hưởng ứng cũng lần lượt tới dự cuộc ngâm thơ và họa đàn. Hai nhạc gia khiêm tốn với vẻ mặt phẳng phất như mơ màng, như say đắm đã cùng với cây đàn thân yêu cùng dự cuộc vui.

Nhưng còn thiếu một người? Một nữ thi sĩ mà chúng tôi mong đợi với tất cả tấm lòng thành kính và thân yêu; một tâm hồn đa cảm đã từng lựa vần ghép chữ trước vẻ tưng bừng của ngày hè tươi sáng hoặc đã từng nhắc nhở những bầu tâm sự trước ngọn gió heo may hiu hắt.

Đợi mà chẳng thấy. Lòng chúng tôi như đã nao nao thất vọng. Kìa tiếng động bên tường, chúng tôi bèn nhìn ra thì chẳng phải bóng người mong đợi mà là bóng một nữ nhạc gia quen biết.

Sau khi thi lễ, chúng tôi an tọa, nhưng vẫn ngong ngóng chờ mong nhà nữ thi sĩ. Song mong mà chi, đợi mà chi vì nữ thi sĩ, người chúng tôi mong đợi đã cho đem tới một cánh thiếp với mấy vần thơ tuyệt diệu:

« Nắng mới se hồn người bạn cũ,
« Tiệc xuân đổi lấy một chiều vui,
« Nhưng tôi đâu của ngày xuân nữa,
« Ngả bóng đau thương ở cuối trời.

◆

« Hồn tàn vương lại một chiều mơ
« Bạn thấy dư hương tỏa nhạt mờ,
« Là thấy tôi cười trong bóng lệ;
« Nghiêng mình kính biệt khách văn thơ ».

Sự thật đã hiển nhiên. Nhà nữ thi sĩ đã khéo tìm lời thoái thác để lánh cuộc vui.

— Nhưng vì sao?

— Phải chăng nữ văn nhân soi bóng trong gương thấy năm, tháng, ngày, giờ đã in hằn những nét răn trên gò má khi xưa xinh đẹp, và thấy mái tóc mây khi trước đã nhuộm mầu hoa râm, nên tự nhủ mình « đâu của ngày xuân nữa » mà từ chối gặp gỡ các văn nhân? Phải chăng lòng thi nhân đã từng phen « đau thương» dào dạt vì những lẽ biến đổi của thế sự thăng trầm, vì những cảnh đơn bạc giả dối của thế nhân lèo lá nên ngán nỗi đời mà những tìm đường tĩnh biệt? Hay gió đông lạnh lẽo đã nhắc nhở trong thâm tâm ai những giờ phút biệt ly, ly biệt, những cảnh đổi thay rơi lệ, khiến ai ai ôm bầu tâm sự với mảnh « hồn tàn » mà khóa kín phòng the riêng ôn lại những giờ đầy thi vị.

Dầu sao nữ thi sĩ đã có lời từ tạ thì cuộc vui cũng phải bắt đầu. Một nhạc gia, lựa phiếm xe tơ, liền cho cử tọa nghe những tiếng đàn khi bổng khi chìm, khi mau khi lẹ.. Những bản đàn *Chiều thu, Ly biệt, Tiếng tơ đồng* được lần lượt vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh.

Nhất là bản đàn *Tiếng tơ đồng* đã làm cho thính giả nhớ tới bản đàn bất diệt. « *Tiếng tơ đồng chưa dứt* » của một nhạc gia Đức khi xưa đã chinh phục biết bao tâm hồn đa cảm và đã từng khiến bao thiếu nữ mơ màng phải đòi phen rơi lụy.

Nghe bản đàn *Ly biệt*, khách văn chương ngồi trong phòng thấy lòng riêng thắc mắc như sống lại cảnh biệt ly đã làm tê tái cõi lòng xuân.

◆

Cuộc họp mặt đã đầy đủ trong non ba tiếng đồng hồ trước làn khói tỏa của chén trà thơm ấm áp quyện mùi bánh ngọt.

Khách tới dự tưởng mình như lạc lõng trong một « sa-lông » của các bà quý phái bên Pháp khi xưa.

Tiếng nói xen lẫn tiếng cười tao nhã vẻ êm dịu của ánh đèn chiếu trong cặp mắt long lanh nhưq uyến luyến khách văn nhân và như lưu lại giờ chia tay để hẹn một ngày gặp gỡ...

PHẠM MẠNH-PHAN

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước. Kỳ này đã đăng dần tên các vị đọc giả chưa trả tiền ấy.

TRI-TÂN

Văn hành công khí

Thận trọng đối với tiền nhân

TẢO-TRANG

CÁCH đây hai ba tháng, trên các mặt báo có một bài quảng-cáo nhỏ cho một cuốn sách mới của một nhà xuất bản nọ. Sách nói về một quãng tiểu sử rất quái lạ thần bí của Lê-quý-Đôn với một cái tên sách ngộ-nghĩnh «Trạng hụt». Bực danh nhân ấy, ai là còn không biết tiếng? Mà ai cũng ham biết thêm về cuộc đời hoạt động của ông, mặc dầu người ta đã nói về ông rất nhiều, từ cuốn Nam-hải dị nhân, qua phần chữ hán của bao Nam phong cũ cho đến bài tiểu-sử rất đầy đủ đã đăng trong một tập kỷ-yếu trường Viễn-đông bác cổ, nhân một bài nghiên-cứu về thư mục Việt-nam.

Tôi cũng đã bị trí tò mò kích thích và đã đọc cuốn sách đó ngay từ lúc mới xuất bản. Và tôi đã bị thất vọng. Không phải tôi đã quá tham, cầu ở cuốn đó một chút tài liệu gì quý giá xác thực về đời Lê quý-Đôn. Ai còn lạ gì giá trị của một số nhiều tập lịch-sử tiểu-thuyết mà cả lịch sử ký sự xuất bản gần đây. Những tác g ả không phải là không có tài, không phải là không có học thức nữa —Nhưng làm việc đã thiếu hẳn phương-pháp. Người ta đâm ngờ cả những điều « lịch-sử » đã xảy ra một cách chắc chắn, mà tác giả kể trong sách, chỉ vì rằng bên cạnh những việc có thực đó, còn có b ết bao nhiêu chuyện sai lầm, do một trí tưởng tượng không kiềm-chế tạo nên. Nhưng ít ra trong những cuốn sách nói trên, người ta cũng còn trọng lịch-sự một đôi chút Không ai có gan chẳng có một bằng cớ gì chắc chắn mà dám đi kể những chuyện trái ngược hẳn những thứ từ trước đến giờ ai cũng biết và cũng công nhận là đúng: thí dụ như khen Tô-định là một vị minh quan nhân đức, hay bắt Lê-Tắc sinh vào đời Hậu Lê.

Tác giả cuốn sách « Trạng hụt » đã dám như thế! Ông bắt Lê-quý-Đôn phải sinh vào « năm quý tị (1552) đời Lê Thuần-Tôn » (trang 4) Thực ra đời Lê Thuần Tôn ở mãi thế-kỷ thứ 18. Hơn nữa Lê quý-Đôn sinh dưới đời Lê Dụ-Tôn niên hiệu Bảo thái năm thứ bảy (bính ngọ) so tây lịch thì là năm 1727.

Tác giả gọi ông thân sinh ra Lê quý-Đôn là Lê-quân, (1) tôi tự hỏi người ta có quyền gọi một nhân vật lịch sử như thế không và cho ta biết rằng lúc Lê quý-Đôn còn nhỏ tuổi, « Lê quân » « hay chữ nhà giầu lại rất *chăm chỉ về việc buôn bán cầy cấy*».Và ở đầu truyện,ta thấy hai vợ chồng Lê đó đi « buôn bán » ở chợ về, cho mãi tới khi Lê quý-Đôn đã gần đủ sức đi thi, tác giả mới bảo cho hay một cách mơ hồ rằng « lúc ấy Lê đã đỗ hương cống » (trang 57-58).

Sự thực thì lại khác. Ông thân sinh ra Lê quý-Đôn tên là Lê trọng Thứ (trước là Lê phú-Thứ) đỗ tiến-sĩ năm Bảo-thái thứ 4 (1724) *nghĩa là trước khi sinh ra Lê quý-Đôn* (2). Ông là một vị đại-thần, sau được phong tước quận-công, có đâu đã sống một cuộc đời tầm thường, như nhân vật trong truyện Trạng hụt.

Tôi không cần kể những chỗ sai lầm khác đầy dẫy trong cuốn sách, thí dụ như khi tác giả kể trong các tác phẩm Lê quý-Đôn cuốn «*Việt nam thông sử*» «...*Nghệ văn chí*» (trang 62) thành ra không cần chỗ đến đời Gia-long ngay từ khoảng hậu Lê đã có tiếng « Việt-nam » ! Thực ra đó chỉ là cuốn « Đại việt thông sử » mà cuốn « Nghệ văn chí » của tác giả chỉ là tên một phần của cuốn « Thông sử ». Tôi cũng không cần nói tới những chỗ nhầm lẫn về văn từ (3) cả đến cách hành văn hơi quá bạo đến sỗ sàng đối với một bực danh nhân đời trước. Vì đó là một lối văn riêng của tác giả, và có lẽ tác giả cho rằng thích hợp với cốt truyện cuốn Trạng-hụt.

Vậy ngoài những thứ tiểu tiết sai lầm đó, cuốn sách cho ta biết gì về đời Lê quý-Đôn? Nó đã cho ta thấy rằng vị học-giả vào bực nhất của nước ta thuở nhỏ chỉ là *một cậu bé rất ngu độn* sau nhờ ở lòng nhân đức hữu ái của bố mẹ mà chết đi rồi lại sống lại với một sức thông minh khác thường, vì đã được rửa ruột ở dưới Âm-ty. Người ta sửng sốt trước một câu chuyện táo bạo như thế. Bao nhiêu

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi
◆
Đã có bán
Mẹo chữ Hán
một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem
Giá 0$35 cước 0$06
Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết

những sử sách cũ, những Khâm định Việt sử, Đăng khoa lục Nam-sử tạp-biên, Duyên-hà phả ký đều đã nói sai hết !

Người ta còn có thể cho rằng tác giả đã căn cứ vào ở một câu chuyện khẩu truyền chưa từng chép ở sách nào. Mà chỉ người trong vùng hay người nhà Lê Quý-Đôn mới biết. Cái đó cũng không đúng. Miền Duyên-hà, Phú-hậu (tên làng Lê Quý-Đôn) không có ai nghe nói một chuyện như thế, mặc dầu người ta vẫn chẳng e ngại mà điểm xuyết thêm cho những chuyện về đời Quế-đường tiên sinh thường vẫn nhiễm nhiều vẻ thần kỳ. Và trong một bản « hành trạng » viết bằng chữ Hán còn giữ ở nhà con cháu Lê Quý-Đôn, người ta đọc biết rằng: Lê Quý-Đôn năm lên hai đã biết hai chữ *hữu, vô* ; năm lên bốn đọc Đường-thi ; lên năm đọc Thi-kinh, Tả-truyện Quốc-ngữ ; lên sáu làm thơ văn ; lên bảy học sử, và lên tám lên chín đã làm phú, lục, nghĩa là có thể đi thi được.

Cả đến đoạn mượn sách của Lương Tướng-công (?), đoạn Lê Quý-Đôn vì không đỗ trạng mà buồn bực ngao-du sơn-thủy (tr. 62) (4) đều là những chuyện mơ hồ không có thực, và nhiều lúc người ta tưởng như là những chuyện vu cáo cho cổ nhân !

Tóm lại cuốn Trạng hụt đã làm cho mọi người bất mãn. Càng bất mãn hơn nữa vì người ta đâm ra ngờ tất cả những tác phẩm của nhà xuất bản và của tác giả cuốn sách đó. Trước cuốn Trạng hụt, Văn đoàn Bảo ngọc có xuất bản cuốn « Nguyễn Thượng Hiền», và ô. Nguyễn nam Thông có viết cuốn « Tú Xuất » (do nhà in Tân dân xuất bản). Nếu không có cuốn Trạng hụt này, ta có thể cho rằng những cuốn trên có thể cùng một đôi chút tài liệu cho phần « giả sử » hiện vẫn còn trong địa hạt khẩu truyền. Đến bây giờ, người ta bắt buộc phải nghi ngờ đến cái tính cách xác thực của những mẩu đời của nhà danh sĩ Nguyễn Thượng Hiền cùng của tay ăn chơi có tiếng lúc cận thời như Tú Xuất.

Đó thật là một việc đáng buồn nhất là khi ta nghĩ rằng, trong cuốn sách nhỏ đó, không những người ta đã bôi nhọ sự thực, hơn nữa người ta đã bôi nhọ một đấng tiền nhân. Mà bực tiền bối đó là ai ? là một vị học giả mà công trình trước tác đã làm vinh dự cho nền học thuật nước nhà.

Cốt truyện của ông Nguyễn nam Thông, mặc dầu hình như phỏng theo một chuyện trong Liêu-trai, không phải là thiếu ý nghĩa và hứng thú. Làm sao ông lại không viết một chuyện thường, coi như một chuyện cổ tích, mà lại dùng nó điểm xuyết một cách vô lý — gần như vô lễ — vào đời Lê Quý-Đôn ?

Chúng ta nên thận trọng đôi chút đối với những người xưa. Khi nào người ta bắt chước cười cợt ngạo nghễ đối với cả các bực đàn anh đáng kính, ấy là người ta đã đi gần đến cuộc suy bại.

TẢO TRANG

1. — Mãi đến trang 60, trong một lời chú, tác giả mới cho ta biết rằng « Lê — ông thân sinh ra Lê Quý-Đôn — tên là Lê Trọng-Thứ.

2. — Xem Đăng khoa lục. Va Gaspardone. Bibliographie annamite kỷ yếu trường Viễn-đông bác cổ 1934, trang 18.

3.— Thí dụ trang 30 : cười nói *luyên thuyên* ; trang 62 : vua Lê Thánh-Tôn niên hiệu Hồng-đức...

4. — Lê Quý-Đôn vừa đỗ xong vào làm ở tòa Hàn-lâm ngay.

Cải-chính

Về bài « *Thử tài* » trong mục « *Giai thoại trên đàn văn* » ở *T.T.* số 29, thuật giả chỉ theo truyền thuyết mà thuật ra làm một câu chuyện mua vui để hiến các bạn đọc, theo như tên cái mục ấy đã mang.

Sau khi bài đó đã ra, ông T. Q. P., giáo sư trường « Thuận hóa », có gửi thư ra nói chuyện với giáo sư Đ. T. M. là bạn thân của bản chí rằng chuyện câu đối ấy là xuất xứ ở tiểu thuyết tàu « Bình sơn lãnh yến », chứ không phải chuyện cụ Phạm Sư Mạnh. Giáo sư Đ. T. M. liền cho biết rằng : Vế ra là của Đâu quốc Nhất, vế đối là của Sơn Đại trong tiểu thuyết nói trên.

Vậy bản chí xin vui lòng cải chính và thật tình cảm tạ hai bạn đã yêu mà chỉ giúp cho như thế.

T. T.

Có người thích thơ mới. Có người ghét thơ mới.
Thích hay ghét đều phải biết thơ mới.
Hầu hết những bài thơ mới hay và những điều cần biết về phong-trào thơ mới và các nhà thơ mới (có ảnh và tiểu-sử các thi-sĩ)
Đều có trong quyển
THI-NHÂN VIỆT-NAM
(1932-1941)
HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN soạn
Sách dày 410 trang, in ảnh 36 thi-sĩ, giá 3$00
Hỏi các hàng sách hay viết thư cho :
Mr NGUYỄN-ĐỨC-PHIÊN, Boîte postale 34 Huế

XỨNG-đáng với cái tên là « *vên ngọc mã-lão cua Phật* » (*Phật Mã*), vua Lý Thái-Tông có lòng từ-bi, đặt luật bảo-hộ cho hạng dân-đinh (hoàng-nam) (1) : Cấm không ai được mua bán họ làm nô-lệ. Lòng bồ tát đó chẳng khác ông Lincoln bên Mỹ giải-phóng cho bọn mọi đen !

Như trong bài tổng luận đã nói, dưới trào vua Lý Thái-Tông, có bộ « Hình Thư » (1412) ra đời. Đó là chứng-cớ ngài chú-trọng về việc sửa đặt pháp-luật.

Chắc ngài cũng là người thích âm-nhạc, vì tôi căn-cứ ở ai việc này :

1) Gặp gày sinh-nhật, ngài cho làm ở sân rồng cái núi bằng tre, kêu là « vạn tuế Nam-sơn », rồi sai phường trèo tấu nhạc và múa hát ở trong đó.

2) Sau khi chiến thắng Chiêm-thành, ngài có bắt về những ung-nữ Chàm khéo ca điệu Tây-thiên khúc. (Coi *Đại Việt Sử ký Tiền biên, Bản kỷ*, quyển 2, tờ 42 v. v.)

Nhân hai việc đó, ta có thể nói : đến đời vua Lý Thái-Tông đây người mình đã thạo nghề hát bội và thêu-thái thêm được lối ca Chàm nữa.

Về mặt Phật học, ngài rất cao thâm, biết thấu tôn-chỉ đạo Thiền, có thể thuyết pháp trước các vị sư phơ phơ đầu bạc :

Bát-nhã thực vô tong,
Người không, ta cũng không !
Phật qua (qua khứ), hiện (hiện-tại), vị lai :
Pháp tính ấy vốn cùng (*Dịch*).

Cũng một giọng thiền-vị đó, ngài có làm bài thơ truy tán vị sư Tì ni đà lưu-chi :

Bay gậy sang nước ta,
Tu hành gửi cửa Già.
Ưng tin chư Phật nói,
Hợp một nguồn lòng xa.
Ngào ngạt sen Bát-nhã ;
Vằng-vặc trăng Lăng-già.
Khi nào lại gặp nữa ?
Nói chuyện đạo Thích-ca. (*Dịch*)

Nói cho đúng, ngài ở vào đời hãy còn thuần-phác, trong óc lại chứa đầy tư tưởng nhà Thiền, nên thơ ngài nhuộm toàn một màu mộc-mạc, cổ-kính.

Ngài thọ 55 tuổi. Sau khi ngài băng, trên trang lịch-sử còn in những nét chữ vàng rực-rỡ : « *Văn trị, võ tu, Nùng bình, Phiên phục*».

TIẾT TÁM

LÂM-KHU (? — *1063*)

Họ Lâm, tên Khu, pháp hiệu Huệ-Sinh, ông người Đông-phù-liệt. (2)

Tướng-mạo khôi-ngô, đẹp-đẽ, ông đã có tài biện-thuyết, lại vẽ khéo, viết tốt, văn hay.

Ngoài món nho học ra, ông còn khảo rộng thiền-thư, bách luận và nhiều sách khác.

Tuy đã 54 tuổi, ông vẫn tinh-tiến băng-hái : thụ nghiệp nơi Đinh-Huệ thiền-sư, học-hành ngày một tấn-tới. Rồi ông đi khắp tùng lâm, hàm-dưỡng bằng đạo Phật.

Ban đầu tu ở chùa Bồ-đề trên núi Trà-sơn : Ông muốn để nhiều thì-giờ yên-lặng mà suy-ngẫm, mà định tứ ngưng thần, mà trầm tư mặc tưởng, nên mỗi lần nhập định lâu đến năm ngày. Cái công phu nhập định này tức như lối ông Gandhi

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BANG

bên Ấn-độ : mỗi tuần lễ cứ lấy ngày thứ hai làm ngày yên-lặng, không nói, không tiếp khách.

Mộ ông là người đạo cao, đức trọng, vua Lý Thái-Tông (1028-1054) sai sứ đến mời ông với tấm lòng thành khẩn. Từ-chối không được, đến lần thứ hai, ông bất đắc dĩ phải đi. Trong khi hội đàm, rất hợp ý vua, ông được phong làm Nội cung-phụng tăng.

Trong một bữa tiệc trai ở nội-cung, trước mặt vua Lý và các vị đại đức các nơi, ông có làm bài này :

Pháp vốn như không pháp,
Chẳng có cũng chẳng không.
Nếu biết rõ pháp đó,
Chúng-sinh với phật đồng.
Trăng lăng-già lặng-lẽ,
Thuyền độ-hải mênh-mông.
Biết không không và có,
Tam-muội (3) *cứ viên-thông.*
(*Dịch*)

Bài đó được vua Lý Thái Tông khen ngợi lắm.

Các vương công khanh tướng bấy giờ, vì hâm-mộ ông, đều lui tới hỏi đạo, coi là bực sư tôn.

Đến trào vua Lý Thánh (1054-1072), ông lại càng được tôn-trọng hơn.

Năm Gia-khánh thứ năm, (1063), khi sắp từ trần, ông còn làm được hai bài thơ tứ ngôn tuyệt cú nữa... Nguyên-văn có chép trong bộ « Thiền Uyển Tập Anh », đại ý cũng là thuật cái sở-kiến để tỏ chỗ dụng tâm của mình là thế nào.

Chắc ông là một tay văn-tự đại-gia ở đời bấy giờ, nên được vua giao cho soạn văn bia ở các chùa : Thiên-phúc, Tiên-du, Thiên-thánh, Khai-quốc, Diệu-nghiêm, Võ-ninh, Báo-đức.

Ông lại có làm được bộ «*Pháp sự trai-nghi chư đạo trường khánh-tán văn*».

(Tham khảo : *Thiền Uyển Tập Anh* đời thứ 13 ; *Lịch Triều Hiến-Chương*, quyển 45 ; Tùng-san trường Bác-cổ quyển XXXIV, trang 138, số 137)

TIẾT CHÍN

MAI-TRỰC (*998-1090*)

Mai-Trực, đạo hiệu là Viên-Chiếu thiền-sư, người làng Long-đàm, huyện Phúc-đường, cháu bà Linh-Cảm thái-hậu nhà Lý.

Từ bé, Mai-Trực đã thông-sáng, lanh-lẹ, chăm học. Về sau, theo ông Định-Hương ở núi Ba-tiêu, nghiên-cứu về Phật-học. Trong vòng hơn ba năm trời, Mai-Trực tỏ ra là người kính thầy, mến đạo lắm. Sự tu-trì của ông sở đắc ở « *Viên-giác minh kinh tam quán pháp.*»

Ông có tài về khoa ngôn-ngữ : giảng thuyết trôi-chảy như nước cuốn, mây bay.

Mộ tiếng đại đức, người ta đến học nơi ông ngày một đông-đảo, gây thành một cái tùng-lâm ở bên tả kinh-đô.

Mỗi khi cắt nghĩa cho ai nghe về lẽ Thiền, ông thường đặt thành câu thơ, mượn những sự-vật cụ-thể để bày tỏ nghĩa-lý thuộc trừu-tượng. Có lắm câu rất thanh-thú, bóng-bẩy, đẹp-đẽ, tỏ ra một tay đã thâm đạo lại hay thơ. Nay xin chỉ đứng về mặt văn-chương, trích dịch ít câu để giới-thiệu cùng các bạn đọc :

Bê rào, cúc thu nở ;
Đầu nhánh, oanh xuân kêu.
(*Dịch*)

Kim-cốc (4) *tiêu-điều, hoa cỏ héo !*
Mà nay, hôm, sớm, mặc trâu, dê... (*Dịch*)

Trước gió, thông reo vi-vút ;
Sau mưa, đường lội lầy-nhầy.
(*Dịch*)

Cây khô, xuân đến, hoa đua nở ;
Nghìn dặm thơm-tho gió thổi hương ! (*Dịch*)

Gió gẩy trúc sân : đàn chú Bá (*Bá-Nhạc*).
Mưa gieo hoa núi : lệ nàng tiên.
(*Dịch*)

Gió đưa tiếng sáo lùa qua trúc ;
Trăng vẽ hình non (núi) ném khỏi tường.
(*Dịch*)

Và :

Xuân dệt hoa như gấm,
Thu thêu lá đốm vàng ! (*Dịch*)

Những câu đại khái như vậy thật có giá-trị về mặt văn-chương, ấy còn chưa kể có cái công-dụng nói bóng về nghĩa-lý trong Phật-học là khác.

Đem theo 92 cái tuổi sang Tây-phương, ông tịch ngày tháng 9, năm Quảng-hựu thứ 6 (1090) đời vua Lý Nhân Tông. Trước khi từ trần ông có làm bài này để tỏ quan-niệm mình đối với cái chết :

Thân như tường-vách lúc tan-tành ;
Ai chẳng nao-nao cảm chút tình ?
Nếu biết tâm « không », không sắc sắc,
Sắc, không : ẩn, hiện ? mặc xoay quanh. (*Dịch*)

Trong Thiền-lâm, ông góp nhiều công vào việc trước-tác : soạn *Dược-sư thập nhị nguyện văn* (5), tán *Viên-giác kinh, thập nhị bồ-tát hạnh, tu chứng đạo trường* và làm được tập *Tham đồ hiển quyết*. (6)

Tham khảo : *Thiền Uyển Tập Anh*, thiền biểu thứ nhất, đời thứ bảy ; *An-Nam Chí Lược* quyển 15, tờ 7 ; *Lịch-Triều Hiến Chương*, quyển 45 ; *BEFEO XXXII*, trang 246 ; *BEFEO XXXIV*, trang 138, 139, số 138, 139 ; v.v.

Còn nữa

---

1) Bấy giờ chia dân-đinh làm ba hạng : Hạng 18 tuổi là hoàng-nam ; 17, tiểu hoàng-nam ; 20, đại hoàng-nam.

2) Có lẽ ở gần làng Tây-phù-liệt thuộc huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông.

3) Cái chốn mầu-nhiệm huyền diệu.

4) Cái vườn chơi của phú-ông Thạch-Sùng.

5) Tập văn này có đưa sang Tàu, được Cao-tọa pháp-sư nhà Tống khen phục lắm.

6) Trong mục « *Thiên-chương* » sách *Kiến Văn Tiểu Lục* của Lê-Quí-Đôn và trong mục « *Văn-tịch chí* » sách *Lịch-Triều Hiến-Chương của* Phan-huy-Chú chỉ thấy nói đến hai tác-phẩm của Mai-Trực : *Dược sư thập nhị nguyện văn* và *Tham đồ hiển-quyết*.

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Pháp-quốc công báo vừa đăng một đạo sắc lệnh nói rõ về các điều lệ thuê nhà ở và cho thuê nhà tại Đông-dương. Đạo sắc lệnh này nay mai gửi tới đây thì Chính phủ Đông dương sẽ cho ban hành ngay. Trong lúc chờ đợi này, Chính phủ vẫn cho thi hành đạo sắc lệnh ngày 5 Novembre 1939 nói về quyền của người thuê nhà và quyền của chủ nhà trong việc thuê nhà và cho thuê nhà.

Hôm 2 janvier vừa rồi quan Thống sứ Delsalle vừa ký nghị định về việc cấm sữa, phó mát, bơ, kem như sau này :

Bắt đầu từ 15 janvier này những người làm phó mát, bơ, kem hay những thực phẩm gì có dính dáng đến sữa sẽ bị cấm hẳn trong thành phố Hanoi và những nơi sau này: phủ Gia lâm, phủ Từ sơn, huyện Tiên du, huyện Văn giang Bắc ninh, huyện Hoàn long, huyện Thanh trì, phủ Hoài đức, phủ Thanh oai, phủ Thường tín Hàđông, huyện Đông anh Phúc yên.

Ở Bắc kỳ riêng có những dược sĩ là được phép làm thứ sữa gọi là Yaourth. Trong những nơi kể trên, việc đem sữa đi đến chỗ nào phải dùng thứ xe riêng theo kiểu mẫu của phòng thú y đã định.

Những nhà làm sữa sẽ do phòng thú y kiểm sát và mỗi ngày sản xuất được bao nhiêu, phân phát đi những chỗ nào, phải kê khai tường tận.

Sự kiểm sát này chú ý đề phòng sự tích trữ sữa. Bắt đầu từ lúc có nghị định này việc đem những bò sữa ra ngoài những nơi kể trên sẽ bị cấm hẳn. Nếu có sự thay đổi gì về việc bò vắt sữa thì phải báo ngay cho sở thú y được biết.

Hồi cuối năm 1940, mỗi nhà ở Hanoi có nhận được một cuốn sách con nói về việc phòng thủ thụ động và loan báo cho các cá nhân biết nơi phải đến nấp tránh nạn và nhà chữa thuốc gần nhà mình nhất và cả nơi cứu hỏa nếu khi cần phải báo cho người ta biết, với lại ngày mà họ phải dọn đi nếu ở vào nơi cần phải cho bớt dân đi chỗ khác.

Nay ông Chapoulart, Đốc lý Hanoi, bá cáo để mọi người biết rằng nếu ai đánh mất cuốn sách ấy rồi thì nên đến tòa Đốc-lý phòng Lục-lộ mà xin cuốn khác.

QUỐC-TẾ

26 nước về phe Anh, Mỹ đã ký hiệp ước Liên-minh. Tướng Anh Wawell. giữ chức tổng - tư-lệnh thủy, lục và không quân Đồng-minh tại miền Tây-nam Thái-bình-dương. Tướng Hoa-kỳ Brett phó Tổng-tư-lệnh phụ với tướng Anh Wawell. Đô-đốc Hoa-kỳ Hart tổng chỉ huy thủy-quân Đồng-minh ở miền này, và Tưởng Giới-Thạch tổng chỉ huy các đạo quân Tàu và Đồng-minh ở Trung-hoa.

Quân Nhật đã chiếm được trường bay Kouantan là nơi căn cứ cuối cùng của Anh ở trước Tân gia ba về phía tây Mã-lai.

Quân Anh ở phía nam Ipoh và ở Kuala Lumpur đều phải rút lui.

Tân gia ba lại bị ném bom, nhân dân đã nhốn nháo lo thiếu vật thực.

Quân Nhật vẫn tiến đánh các đám tàn quân Mỹ và Phi luật tân định trút cả đến Balantan và Corregidor.

Phi cơ Mỹ đã lên đường sang tiếp cứu cho Phi luật tân.

Nhật lại chiếm được một trường bay lớn ở trong đất Diến-điện.

Ông Y Paringaux, đồng lý văn phòng bộ nội vụ Pháp, chết trên đường xe lửa. Ông năm nay 42 tuổi.

Có lẽ ông Paringaux bị rơi ở trên toa xe lửa xuống đường sắt vào khoảng 7 giờ hay 7 giờ rưỡi tối hôm 4 janvier.

Có tin hình như Đức sẽ rút quân ở Ba Nhĩ-Cán đem đánh Nga. Ở Nga, Hồng-quân vẫn tổng phản-công trước Mạc-tư-khoa và đổ bộ thêm ở bán-đảo Crimée Mặt trận Bắc-dhi tạm ngừng vì bão cát. Thủy và không-quân Anh đánh Na-uy.

Thống - chế Pétain đã nói

Bản-chức mong tất cả quốc-dân phải thấm nhuần một tinh thần mới để phục hưng vinh quang của Tổ-quốc. Bản-chức trân-trọng để lời chúc các dân tộc Đế-quốc xa cách trùng dương và các tù-binh lưu trú ở ngoài bờ cõi. Nước Pháp vẫn còn. Chúc mừng năm mới.

Hộp thư

Bạn P. K. Khoan, Huế— Đã nhận được tập thơ B. T. và thư đề 3-1-42 Đa tạ. T. T. ưng giúp ông H. C. về việc bạn nói.

Còn bài gửi đăng báo, cứ cuộn lại, để ngoài «articles de presse» thì chỉ phải dán có 4 xu tem thôi.

Ô. Hoài chi, Qui nhơn — Đã nhận được bài. Xin cảm ơn. Sẽ có thư riêng nói về bài M. C. M. D.

Ô. Viễn chi, Thái bình. — Đã tiếp được thư sẽ liệu.

Ô. Đạm quốc Thanh, Huế. — Đã tiếp được hai bài. Đa tạ. Ông có nhiều tài liệu đã sưu tầm được, xin cứ viết rồi gửi ra cho. Rất hoan-nghênh... Báo T.T. không còn những số đầu.

Bạn Kiều thanh Quế, Cần thơ. — Đã nhận được bài N. Đ. T. T. và mấy bài thơ. Xin nhớ gửi ra bài p. b. L. C. như bạn đã hứa. Cám ơn.

Hiệu Văn Hóa. Huế. Số 4, 5, 10, 18 hết cả, nên không gửi vô.

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng *học trong bộ*

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'

soạn giả : LÊ-THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành - chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p.60 — Cước 0p38

Đề cho : hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

PHI-LUẬT-TÂN

NHẬT-NHAM

NĂM 1542, người Tây-ban-nha Ruy Lopez de Villabas chiếm các quần-đảo miền nam Thái-bình-dương, rồi lấy hoàng-hiệu vua Philippe đệ-nhị (1555-1598) đặt tên là Phi-luật-tân (Philippines).

Đến năm 1659, nhà thám-hiểm Mignal Lopez de Lapaspi mở thành-phố. San Mignal trong cù-lao Cebu (về sau, thành-phố này thường gọi là Cébu), đuổi kiều-dân Bồ-đào-nha ra ngoài đảo, lập giáo-đường để truyền-bá đạo Gia-tô. Đạo Gia-tô chẳng bao lâu lan khắp các đảo Phi-luật-tân và có ảnh-hưởng rất hay trong việc khai-hóa dân bản-xứ.

Sau khi Tây-ban-nha mất các thuộc-địa Mỹ-châu, người Tây-ban-nha di-cư đến Phi-luật-tân rất nhiều. Nhiều báo xuất - bản, việc thương - mại ngoại - quốc được khuyếch-trương trong các hải-khẩu, trái với trước kia, người ngoại-quốc chỉ được buôn bán tại kinh-thành Manille.

Cuộc biến-động năm 1868 lại được thêm nhiều kiều-dân đến các quần-đảo, nhất là sau khi mở kênh-đào Suez, sự giao-thông trên mặt bể càng tiện cho người Tây-ban-nha di-cư đến Phi-luật-tân.

Các nhà truyền-giáo và các tù-trưởng nắm hết quyền-chính trong xứ, nên ông Rizat đứng lên phản-đối, được quan Toàn-quyền Despujols ủng-hộ. Nhưng vì các nhà truyền-giáo mạnh thế-lực, ông Despujols phải gọi về nước. Sau nhiều cuộc phản-đối hay ủng-hộ các giáo-đồ, trong xứ có nội-biến do Emilie Aguinaldo làm thủ-lĩnh. Ngày 12 Décembre 1897, một bản hòa-ước ký giữa Primo de Rivera và Aguinaldo. Aguinaldo nhận 4 triệu đồng Tây-ban-nha, dời đến Hương-cảng.

Năm sau, Hoa-kỳ khai chiến với hi-luật-tân. Hạm-đội Tây-ban-nha không đủ lực-lượng chống nhau với Hoa-kỳ. Ngày 1er Mai 1898, viện thuyền-trưởng Hoa-kỳ Dewey tới vịnh Manille, tấn-công rất anh-dũng. Quân Hoa-kỳ chiếm quân-cảng Cavite. Sau cuộc thất-bại ấy của quân Tây-ban-nha, trong cái quần-đảo Phi-luật-tân lại có nhiều cuộc nội-biến. Người Hoa-kỳ triệu Aguinaldo ở Hương-cảng về, giúp cho quân-nhu chiến-cụ để đánh nhau với quân Tây-ban-nha.

Ngày 13 Août 1898, Đại-tướng Hoa-kỳ. Wesley Merrit hạ được thành Manille, rồi ngăn không cho quân của tướng Aguinaldo vào thành. Dân Phi-luật-tân tổ-chức một Chính-phủ, nhưng không đủ lực-lượng để giữ trật-tự, nên trong xứ rối loạn, giặc cướp nổi khắp nơi.

Hòa-ước ký tại Paris ngày 10 Octobre 1898, được nghị-viện Hoa-kỳ duyệt-y ngày 6 Février 1899.

Dân Phi-luật-tân vẫn chống mãi với Hoa-kỳ cho tới 5 Février 1899 mới chịu giải giáp sau khi bị thiệt-hại to tại Paco. Tuy vậy, trong xứ vẫn có quân cần-vương khởi nghĩa, làm cho quân Hoa-kỳ hàng 6 vạn người đánh dẹp mãi tới 23 Mars 1901 mới bình xong.

Tháng Juillet 1901, một Chính-phủ thành-lập thay cho các quan binh, ân-xá tất cả các thủ-lĩnh cần-vương đã nổi lên chống nhau với Hoa-kỳ sau tự ra thú. Từ đó, một phần dân bản xứ đòi quyền tự-trị, nhưng người Hoa-kỳ công-bố rằng họ chưa thể độc-lập được ngay, cần phải chờ thời.

Phi-luật-tân có nhiều hải-đảo phía bắc, Luzon : phía nam, Mindano ; ở giữa, từ bắc xuống nam: Mindoro, Samar, Panay, Negros, Bohot, Cebu ; còn cù-lao Palawan hay Paraga kéo dài từ đông-bắc đến tây-nam và hải-đảo Sulu theo hướng đông-bắc đến tây-nam ở phía tây-nam đảo Mindano.

Viên Toàn-quyền Phi-luật-tân có một hội-nghị 5 người Hoa-kỳ và 4 người Phi-luật-tân ; và một hội-đồng tư-nghị giúp việc. Hội-đồng tư-nghị do dân bản-xứ có tuổi, có lịch-duyệt, có học-thức và có địa-vị đề-cử. Ngoài ra, có một tối-cao thẩm-viện, các tòa án sơ-cấp, các tòa án hòa-giải. Tối-cao thẩm-viện có 4 thẩm-phán Hoa-kỳ và 3 bồi-thẩm Phi-luật-tân.

Dân số có 70 triệu dân đã khai-hóa và 7 triệu dân chưa khai-hóa. (Ước 75 triệu người da xám, 42 nghìn người da vàng, 24 nghìn người da đen, 14700 người da trắng, 15500 người lai). Dân da đen ở rải-rác trên các quần-đảo Luzon, Panay, Mindanao và Negros. Thân-hình bé-nhỏ, tóc quăn, đầu tròn, da có trổ các hình, người da đen họp thành từng bộ-lạc phiêu-lưu các nơi. Người da xám chia làm 33 bộ-lạc khác nhau về ngôn-ngữ, tiến-hóa, trong số ấy 7 bộ-lạc theo đạo Gia-tô. Người da vàng là người Tàu. Người lai là giòng-giõ Tây-ban-nha và Mã-lai. Nửa phần người da trắng là dân Mỹ.

Trong các hải-đảo, nghề canh-

Sách mới

Tri tân nhận được :

Tình lụy, tiểu thuyết của Phạm lệ Oanh nữ sĩ, Nhật nam thư quán xuất bản.

Thi Văn Bình Trú, Lê, Mạc, Tây sơn từ giữa thế kỷ xv đến đầu thế - kỷ XIX của Ngô Tất-Tố trong tủ sách Tao đàn do Tân dân xuất bản. Sách dày 224 trang, giá bán 0 p, 80.

Xin cảm ơn nhà xuất bản và vui lòng giới thiệu cùng độc giả Tri tân.

●

Chúng tôi cần dùng :

Luận-ngữ bản dịch của Dương-bá Trạc.

Khối tình con III của Tản đà.

Giấc mộng lớn của Tản đà

Bạn đọc nào còn giữ được làm ơn gửi đến cho chúng tôi mượn một ít lâu. Chúng tôi xin cảm ơn vô cùng. Để tạ tấm thịnh tình của bạn đọc gửi cho, chúng tôi sẽ xin gửi sách biếu làm kỷ niệm L. T. TRI-TÂN

— Nước Lăng-sa, là Bảo-hộ. Người tây sang, vừa mở mang, vừa bảo dạy. Ta tin cậy, nhận làm thầy. Rồi từ đây, khôn hơn trước. Phàm dân nước, nên biết ơn.

TẢN-ĐÀ

— Mày đẻ ra, là người Việt; mày phải biết, yêu nước Nam. Bốn nghìn năm, nước đã cũ. Nhờ Bảo-hộ, dân văn-minh; Tính số dân, hai nhăm triệu cùng yêu dân, như anh em.

TẢN-ĐÀ

— Chữ Lăng-sa, ta phải học; đạo thánh Khổng, ta nên theo.

TẢN-ĐÀ

nông là gốc, sản xuất gạo, dừa, mía, thuốc lá, sợi. Có nhiều nhà máy chế tạo dầu dừa, thuốc lá, đường, sợi, vân vân.

Hải-đảo Phi-luật-tân thuộc Hoa-kỳ thấm-thoắt đã được 40 năm. Theo nhời yêu-cầu của dân-chúng, Chính-phủ Hoa-kỳ đã đầu phiếu ưng chuẩn đến 4 juillet 1946 sẽ cho Phi-luật-tân độc lập. Muốn cho dân Phi-luật-tân được thực-hiện việc tự-trị, muốn cho sự giải-phóng có kết quả, Hoa-kỳ hứa sẽ giúp Phi-luật-tân về phương-diện tài-chính và kinh-tế sau ngày 4 juillet 1946. Hiện nay, Chính-phủ Hoa-kỳ đương tìm cách mở mang xứ Phi-luật-tân về phương diện xã-hội, khai thác các tài-nguyên trong xứ, để sau này, Phi-luật-tân có thể độc-lập, không những về mặt chính-trị mà cả về mặt kinh-tế nữa.

Ngày 8 Décembre 1941, Thái-bình-dương nổi sóng ! Nhật-bản khai chiến với Hoa-kỳ ! Ngay trưa hôm ấy, không quân Nhật bay đến đánh thành trì Gothenbourg phía bắc đảo Lacon là chỗ hoành doanh của bộ tư-lệnh Mỹ, cho quân nhảy dù xuống đất Phi-luật-tân.

Sáng 10 décembre 1941, quân Nhật đổ bộ được lên đảo Lacon.

Rồi kế tiếp nhau, từng đoàn phi cơ Nhật bay đến kinh thành Manille, phá miền duyên-hải, chỗ các bến tầu đỗ.

Trưa 27 décembre 1941, quân Nhật đổ bộ lên miền bắc và đông-nam thành Manille, giao-chiến nhiều trận kịch-liệt với quân Phi-luật-tân.

Quân Mỹ rút khỏi Manille và tuyên bố kinh-đô Phi-luật-tân bỏ trống.

Sau nhiều trận huyết chiến ở phía bắc và phía nam Manille, quân Nhật chiếm được nhiều nơi xung-yếu mặt đông-nam, trong khi thủy-lục-không-quân cùng hợp-lực công kích pháo đài trên cù-lao Corregidor trong vịnh Manille, đốt cháy các cơ-quan quân sự và phá hủy nhiều chiến-thuyền.

2 janvier 1942, quân Nhật kéo vào thành Manille, đóng hết các nơi và lập lại trật tự.

Còn quân của Đại-tướng Hoa-kỳ Mac Arthur rút về một căn-cứ-địa trọng-yếu, chờ quân cứu-viện, để lập lại một chiến-tuyến mong khôi-phục những đất đã mất về quân địch.

NHẬT-NHAM

MỚI IN LẠI LẦN THỨ HAI

Số tử vi lập thành

dạy lấy Số Tử-Vi không phải tính các sao, dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

của nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là :

NGUYỄN-PHÚC-AM, chủ Thiên-Phúc-Đường soạn

Giá bán 0p.60. Cước 0p.13. Gửi cho :

hiệu sách ĐÔNG-TÂY, 195 hàng Bông Hanoi

Tên các vị độc giả chưa trả tiền

Sợ các ngài lắm việc quên, nên bản chí cần nhắc các ngài, mong các ngài đừng trách chúng tôi mà vui lòng gửi mandat về giả ngay cho. Da tạ.

Ô. Đặng trần-Cung, Bắc ninh
Nguyễn ngọc-Đĩnh, Bắc giang
Đỗ thúc-Phách —
Trần trọng-Trinh, Bình lục Hanam
Phạm ngọc-Lan, Diệp-Sơn —
Đỗ khắc-Luận, Cổ-triết Hưng hóa
Hoàng ngọc-Tấn —
Nguyễn đình-Bao Hưng yên
Nguyễn văn-Doanh —
Phí vĩnh-Hải —
Phạm hữu-Lung —
Lê văn-Cầu kim động —
Vũ văn-Vực đằng châu —
Ng văn-Tạo, nhật lệ —
Đặng hữu-Dzu Kiến An
Phạm huy-Chiêm Lạng sơn
Lương văn Chính —
Phạm mạnh-Hiền —
Đỗ văn-Kiên —
Hoàng đình-Ninh Lao kay
Tạ chiêu-Lyn Mường hum
Ngô Túc Moncay
Phùng tất-Đắc Nam định
Trần ngọc-Thu Vụ bản —
Vinh Thi —
Đặng ngọc-Thúy —
Tiền đại-Ưu —
Bùi Đàn, Phát diệm Ninh bình
Phạm huy Nghiên Phú thọ
Nguyễn Bá-Chúc Thái-bình
Đỗ Kỳ-Nhân Thái-Nguyên

(Còn nữa)

AM TIÊN

DU-KÝ của HOÀNG-MINH

CÁI tên Am Tiên đã gợi đủ tính tò-mò và rủ-quến tôi, ngay từ khi tôi mới bước chân đến làng Cổ-định (cách Thanh-hóa 26 cây số).

Rủi khi tôi đến đây nhằm những ngày mưa, mưa ròng rã hơn một tháng giời.

Mãi đến nay, trời nắng đã mười hôm, đường xá khô ráo, nên mới đi được.

Am Tiên cách Cổ-định chừng năm cây số. Phải trèo qua ba quả núi. Mấy người bạn và tôi bắt đầu ra đi từ 8 giờ sáng. Chúng tôi đi theo sườn núi Nưa, tên dần mãi, qua ngọn núi này sang ngọn núi khác. Đường đi vằn-vèo, lởm-chởm những đá. Lau, sậy, nứa, giang mọc bum lùm. Những giọt sương còn đọng trên cành lá dần dần làm ướt hết quần áo, chúng tôi vừa đi vừa phát những cành nứa mọc ngang đường để lách lấy lối đi.

Qua đỉnh núi thứ nhất, sang đến ngọn thứ hai, chúng tôi phải men theo kẽ núi mà nước mưa, từ đời ấy sang đời khác, chầy đã thành vệt. Đường đi dốc ngược lên tận đầu non, thật là treo leo nguy-hiểm. Một đôi khi có từng phiến đá to tướng chắn ngang đường, chúng tôi phải cúi khom người, đi bằng cả hai chân, hai tay. Trăm thức cỏ bùm tum, nhiều chỗ che kín cả lối đi, nhiều chỗ cao quá đầu bọc kín lấy chúng tôi. Khi ở dưới sườn non, trời nóng, chúng tôi đã phải cởi áo ngoài; nhưng lên đến đây, gió thổi mát rợi, lại thấy lành lạnh. Nhìn xuống chân núi, ruộng nương như bàn cờ. Làng mạc xa xa điểm thành những chấm đen, giữa những thửa ruộng vàng hoe lúa chín. Trông về phía bên này núi, là địa hạt châu Như-xuân, chỉ thấy bát ngát rừng núi. Xa xa đã thấy ẩn-hiện Am Tiên.

Đường từ đây dễ đi, vì ở bên trên ngọn đồi bằng phẳng, chỉ toàn có cỏ tranh.

Quang-cảnh Am Tiên

Am Tiên ở trên một ngọn đồi bằng phẳng, rộng có lẽ đến ngàn mẫu. Toàn một giống cỏ tranh mọc cao ngang đầu. Ngọn đồi này cao hơn 500 thước tây. Đứng trên có thể nhìn thấy bãi biển Sầm-sơn với những hàng phi-lao vút lên chân trời, và Thanh hóa với những vết tường vôi trắng xóa. Khí-hậu mát quá, nhất là về mùa hè.

Am Tiên, trước đây mấy ngàn năm, có lẽ là một thắng cảnh to tát lắm! Dưới những nhát « búa của thời gian », Am Tiên bây giờ chỉ còn là một nơi hoang tàn, hiu quạnh, để hàng năm nắng giỗi với trăng soi. Bây giờ chỉ còn đôi chút vết-tích sót lại. Hay nói cho đúng, Am Tiên bây giờ tức là một cái lều tranh, mà một người dân ở vùng này mới dựng lên để ghi lại cái dấu vết của ngàn xưa.

Trong Am chúng tôi thấy một tòa sen bằng đá, chạm-trổ rất tinh-vi, xung quanh tòa sen chỉ còn những miếng đá vuông kê cột nhà, cái còn nguyên, cái xứt vỡ. Trước cửa Am, cách xa độ ba bốn bước một con rùa đá đội bia đã xứt cả đầu đuôi và một mảnh khánh đá. Chúng tôi lấy miếng gỗ gõ vào thấy kêu như tiếng chuông.

Những đồ bằng đá này đã mòn, đã giám cả, dưới những giốt mưa nặng-nề rơi lên trên, từ đời này qua đời khác, mặt đá đã lỗ trỗ, xờ ram-ráp như những viên đá kỳ.

Xung quanh chỗ Am, còn có vết-tích một bức lũy đất, bề ngang có lẽ đến một thước. Bức lũy này đã đổ nát cả, chỗ còn cao độ vài chục phân tây, chỗ đã phẳng lì với mặt đất thì cỏ mọc xanh rì chùm kín.

Cứ lấy bề ngang lũy mà xét, chắc lũy chu-vi rộng lắm thì phải.

Cách chỗ Am vào độ vài chục thước tây có một cái ao nhỏ độ nửa sào. Trên bờ có mấy cây tam-thất, không biết sống từ đời nào, mà bây giờ cặn-cỗi, chỉ cao độ hai ba thước. Thân cây xù-xì

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bổn : chữ Hán, quốc - âm, quốc-văn	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A-Di-Đà	0.20
Phật Pháp vỡ lòng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1,10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc luận đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5.50

Gởi mandat, phụ thêm 10% cước phí.

Địa chỉ : Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

mốc-thếch, chứng tỏ rằng cây đã chịu bao bồi phong vũ tang-thương. Xung quanh bờ ao, vài ba nơi còn những bậc đá. Người bạn chúng tôi, là thổ-dân ở đây, bảo rằng ở dưới ao có than, cát, đá, sỏi. Anh đoán có lẽ các cụ ngày xưa đã biết cách lọc nước theo khoa-học chăng ?

Cách ao độ vài trăm thước, có một khoảng đất phẳng rộng độ vài mẫu. Thổ-dân cho là di-tích một cái chợ. Chỗ này bây giờ gọi là chợ Bụa. Chợ bây giờ có lẽ bốn mùa chỉ có trăng soi cùng gió lộng, hay nắng giãi vơi mưa tuôn.

Chúng tôi lẳng-lặng cùng nhau đi trên những dấu-vết ngàn xưa. Không biết từ mấy ngàn năm, mấy trăm năm về trước, chỗ này đã có một thời oanh-liệt. Biết đâu trong lòng trái đồi này còn ngậm bao dấu-vết của tiền-nhân ? Mà biết đến đời nào mới lại có người moi ra ánh sáng ? Hay theo những cuộc phế,hưng, tang, hải, lớp người đã sống ở đây từ mấy mươi thế-kỷ trước cứ bị quên dần trong bóng-tối của thời-gian cũng như những vết-tích họ để lại bị chôn vùi trong thâm-tâm trái đất !

Chúng tôi đi, lòng buồn rười rượi, sống lại với cả một lớp người xưa mà nay không còn một chút vang bóng !

Chút ít lịch-sử

Theo như khẩu-truyền ở đây, thì Am Tiên là một nơi trụ-trì của một vị ẩn-sĩ hiệu là Na-Tiều (1) Vì dẫy núi Nưa, tên chữ là Na-sơn, nên cụ lấy hiệu là Na-Tiều, nghĩa là người đốn củi ở núi Na. Dân ở đây thường gọi cụ là cụ Tu-Nưa.

Cụ sống vào đời nhà Hồ. Thấy cha con Hồ-Quý-Ly làm những việc thoán-nghịch, bạo-ngược, cụ không thèm ra làm quan, nên lên ẩn ở dẫy Na-sơn. Cụ sống một mình ở trên này, bạn bầu cùng hươu, nai, sống bằng hoa, quả, măng tre, măng nứa.

Thỉnh-thoảng cụ cũng gánh củi xuống chợ Nưa bán. Nhưng cụ không bán lấy tiền, chỉ đổi lấy rượu. Cụ uống thật say, rồi vừa nghêu-ngao hát vừa lững-thững ra về.

Hồ-Hán-Thương nghe tiếng cụ, sai sứ-giả đến triệu cụ ra làm quan. Khi sứ-giả lên đến nơi, cụ mắng sứ-giả đủ điều rồi đuổi ra khỏi Am không thèm tiếp.

Sứ-giả về tâu Hồ-Hán-Thương. Hán-Thương lại sai sứ giả lên dụ lần nữa. Sứ đến lần này thì cụ đã mây ngàn hạc nội, chỉ còn thấy ở vách Am có đề hai câu thơ (2).

Hồ-Hán-Thương giận lắm, sai người lên đốt Am. Tục truyền khi đốt Am có một con hạc trắng bay ở đống lửa ra.

Từ đấy, không ai thấy bóng cụ Na-Tiều ở đâu nữa !

Có một điều chúng tôi lấy làm lạ, là cụ Na-Tiều bấy giờ đi lại ở những ngọn núi này không sợ hùm, beo hay sao ? Vì theo lời các vị cố-đạo nói, thì cách đây hơn trăm năm, ngay ở chỗ Thao-ma làng Cổ-định bây giờ, hùm, voi còn về đẻ.

Dù sao, một mình cụ không có thể lập nên Am Tiên được.

Vậy ai là người đã lập lên Am Tiên ? Về hồi nào ? Cách đây bao nhiêu thế-kỷ ? Xin hỏi các bậc cao-minh.

Chiều đã bảng-lảng, chúng tôi bùi ngùi ra về, cùng nhau ngâm mấy vần thơ của Huy-Cận :

Đồn xa quần quại bóng cờ,
Phất-phơ buồn tự thời xưa thổi về,
Ngàn năm sực tỉnh, lê-thê
Trên thành son nhạt. Chiều tê cái đầu...
Bờ tre rung động trống chầu,
Tưởng chừng còn vọng trên lầu ải-quan.

HOÀNG-MINH
Cổ-định ngày 16-11-41

1) L. T. S. — Theo chỗ chúng tôi biết, thì vị Na-sơn ẩn-sĩ này tên là Trần Tu. Bấy giờ vào đời nhà Hồ (1400-1407), Trần không chịu xuất chính, ở ẩn tại Na-sơn, Thanh-hóa. Chính cụ Mai-sơn có bài thơ đầu đề là « *Vọng Na-sơn, ức Trần ẩn-sĩ di sự, ngẫu thành* », tức là chỉ về vị Na-Tiều này đấy.

2) L. T. S. — Hai câu thơ ấy như vầy : « *Kỳ-la hải khẩu, ngâm hồn đoạn ! Cao vọng sơn-biên, khách tứ sầu !* » Nghĩa là *đến cửa biển Kỳ-la thì hồn thơ đứt ! Lòng khách trạch buồn khi cao trông lên bên núi !* Về sau, nhà Hồ thua quân Minh, chạy đến cửa biển Kỳ-la thì bị bắt. (Bấy giờ các phụ-lão ở vùng này không muốn tiếp nhận cha con họ Hồ, nên nói trật ra là Cơ-la để mong họ Hồ cho tên ấy là điềm xấu mà chạy đi chỗ khác chăng).

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MẾ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ) Số 4

PHAN KHẮC-KHOAN viết

TRẦN THÁI-TÔN
Ồ lạ ! người đâu lẻn tới đây ?
THỊ VỆ
Tên kia liệu với nhát gươm này !
Làm sao dám ngạo bên Thiên-tử ?
Này, nhát gươm đưa, này, ngạo này !
(*Rút gươm hăm dọa*)
TRẦN THÁI-TÔN
Hãy gượm cho ta hỏi đã nào !
Người kia hắt-hưởi tới từ đâu ?
Mà trông ngờ-ngợ...
TRẦN-LIỄU
Tâu Thiên-tử,
— Đây chiếc đò con đậu bến sầu.
TRẦN THÁI-TÔN
Là chiếc đò con đậu bến sầu !
Chiếc đò ban nãy lướt mau-mau ?
TRẦN-LIỄU
Muôn tâu Thánh-thượng, con đò ấy :
Trần-Liễu, thầm xin rạp cúi đầu.
TRẦN THÁI-TÔN
Trần-Liễu ? Trời ơi lạc tới đây?
Trần công sao biết, đến nơi này ?
Hiền khanh xin thứ lời cho Trẫm :
Tưởng điếu-ngư nào dở chén say !
TRẦN-LIỄU
Tâu muôn trùng,
Thần chính thực đương say,
Đương điên, đương cuồng, hồn đương ngây.
TRẦN THÁI-TÔN
Nhưng nếu tướng-công hay lòng Trẫm,
Sẽ biết xiêm rồng thường ướt đẫm.
Chúng ta cùng trôi giữa một giòng châu :
Bốn linh-hồn đương thảm-thiết, thương đau
TRẦN-LIỄU
Bốn linh-hồn đương thảm-thiết thương đau
Đương chung trong một mối u-sầu !
TRẦN THÁI-TÔN
U sầu và nhục nhã...
Lòng trẫm đã từng phen tan rã !
Trên giòng sông gặp gỡ buổi hôm nay
Mặt nào còn trông ngó thấy nhau đây,
Đấng Thiên-tử mà, trời ơi, hổ thẹn
Vì đạo nghĩa cương thường không giữ vẹn !
TRẦN-LIỄU
Sự đã lầm như vậy cũng đành thôi,
Thần nguyện xin giữ đạo làm tôi.
Tuy lòng đã bao lần sôi máu hận,
Âu là bởi nhân-duyên và số-phận.
TRẦN THÁI-TÔN
Thôi cùng nhau đành trọn nghĩa hi-sinh :
Niềm yêu-thương gói liền với u-tình
Mong đền chuộc nợ duyên bằng nghiệp lớn.
Tim non thầm lẽ căng đầy hơn hớn,
Mà từ đây, không còn gợn nét mê say.
Trời hôm nay mây thầm nhẹ hây hây,
Ta nhớ lại cảnh thiên nhiên nơi Phật tự :
Ta đã nếm một mầu đời tăng lữ...
TRẦN-LIỄU
Nơi ngày nay Chiêu-thánh đã nương minh.
TRẦN THÁI-TÔN
Nơi thiền-môn Chiêu-thánh đã nương minh,
Đã đành quên mười chín cái xuân xanh ?
Ta quyết đến nơi chùa thanh hẻo-lánh
Để vĩnh-biệt cùng sư cô... Chiêu-thánh.
Nhưng mà đây triều phục quá uy-nghi,
Cổn bào này, châu gấm nạm mà chi !
TRẦN-LIỄU
Tâu, thần đã
Tìm được chiếc áo cà-sa nơi ngôi chùa thôn-dã ;
Để ngay đây Hoàng-thượng dễ thay hình,
Vào chùa thăm như khách lạ vi-hành.
TRẦN THÁI-TÔN
Ta rất đội ơn sâu người nghĩa khí,
Trần-công ơi, bậc trùng-thần hiệp-sĩ,
Đấng anh-hùng lượng cả quá bao-dong
Còn lo cho kẻ khác được khuây lòng.
Niềm cao quý Trẫm nguyền xin ghi mãi mãi
Và sẽ quyết tìm phen đền đáp lại...
TRẦN-LIỄU
Thần đã từng giao ước với non sông :
Sống giang-hồ cho ngày tháng thong-dong.
Để nguôi hận lòng xưa, khi gió tới,
Khi mây nước ửng màu tươi phơi-phới.
Thần cúi đầu xin bái biệt long nhan,
Nơi xa xa... đương lướt nhẹ áng mây ngàn.
TRẦN THÁI-TÔN (*Trần-Liễu đi*)
Tướng-công Trần-Liễu,
Trời ơi ! Ta bỗng thấy trên sông, buồn lạnh-lẽo.
(*Trần Thái-Tôn tới trước cửa chùa*)

Cảnh IV

(Trước cửa chùa : Trần Thái-Tôn bận áo cà sa gặp một nữ-tỳ. Tấm màn mỏng vẫn buông với Chiêu-thánh ở trong)

NỮ-TỲ *(Vừa hái chè, vừa hát những câu ca-dao):*

Giốc lòng lên cõi thiên-thai
Mũ rơm, áo vải, giày gai, tu-trì.
Tiếng chuông lay bóng bồ-đề.
Có con chim trắng bay về tây-thiên.
Thoát trần tìm chốn siêu-nhiên
Má hồng nương-náu đợi miền tang du.
Đã đành cắt tóc đi tu,
Một ngày cửa Phật, mười thu cõi trần.

TRẦN THÁI-TÔN *(Núp nghe hồi lâu, rồi lên tiếng)*

Tiểu đồng vào gởi với ni-cô :
Bần-tăng xin vãn cảnh viếng thăm chùa.

NỮ-TỲ *(Vờ như không biết đấy là Trần Thái-Tôn)*

Không không
Ni-cô tôi không tiếp rước bao giờ.

TRẦN THÁI-TÔN

Bổn đạo ở chùa xa vì lỡ bước.

NỮ-TỲ

Mặc, ni-cô tôi không hề quen tiếp-rước.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng này người : Cửa Phật rất thênh-thang,
Mà tôi đây cùng trong đám sư-tăng.

NỮ-TỲ

Nhưng đây là sư cô, sư nữ...

TRẦN THÁI-TÔN

Song tôi cùng sư nữ...
Là chỗ đồng ban trong tăng-lữ.

NỮ-TỲ

Vậy thì người trao lại tấm pháp danh
Để tôi đem vô sư-nữ dâng trình.
(Nữ-tỳ vào rồi trở ra)
Mời sư ông rảo bước,
Tôi đã nói : sư-cô tôi không bao giờ tiếp-rước.
Người nên lui, lui mãi rất xa, xa
Nếu tôi còn trông thấy áo cà-sa...

(Trần Thái Tôn giả vờ lui, nữ-tỳ lại hái chè và lại hát ca-dao) :

Tiếc công vun quén cỗi tùng,
Sắm soi trên ngọn : gốc sùng ai hay !
Chữ rằng xuân bất tái lai,
Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn !
Trách ai dạ thả, lòng lang,
Làm cho nên nỗi thiếp chàng rẽ-phân.
Trách ai tham phú, phụ bần,
Tham xa mà bỏ nghĩa gần thuở xưa.
Rả nhau xuống biển bắt cua,
Lên non bẻ nhạn, vô chùa nghe kinh.
Lên chùa, thấy Phật muốn tu ;
Về nhà, thấy mẹ công-phu chưa đền.
Muốn đi tu, công-phu chưa có ;
Muốn lên chùa, chuông mõ cũng không.

(Nữ-tỳ đi một lúc một xa, Trần Thái Tôn đi lần vào trong chùa phía trong màn)

CẢNH V

(Cảnh chùa-phía trong bức màn mỏng : Chiêu Thánh, Trần Thái-Tôn)

TRẦN THÁI-TÔN

Kính chào sư-hữu
Bần đạo đến thăm chùa, nơi cố cựu

CHIÊU-THÁNH

(từ lâu vẫn ngồi yên, lần tràng hạt điềm tĩnh trả lời, không ngó) :

Dẫu rằng cùng trong bọn tăng gia
Cũng xin người hãy tạm bước lui ra.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng mà..,
Nhưng mà...sư-cô... Chiêu-Thánh,
Tôi chỉ là...
Chỉ là.,. sư tăng... Trần-Cảnh,

CHIÊU-THÁNH

Trần ?

TRẦN-THÁI-TÔN

Trần-Thái-Tôn,
Cùng sư-cô vừa mười chín cái xuân non...
Người trước đây mười hai năm,
Đã mang tên Trần-Cảnh,
Và đã kết duyên cùng Chiêu-Thánh.

CHIÊU-THÁNH

Nhưng Trần-Thái-Tôn,
Sao ngài lâm giá đến thiền môn ?
Xin ngài rõ :
Đây là trước Như Lai Phật-Tổ.

TRẦN-THÁI-TÔN

Phải, đây là nơi cứu thế, độ nhân.

CHIÊU-THÁNH

Nhưng không phải nơi cung-điện của vua Trần.

TRẦN THÁI-TÔN

Song là chỗ chúng-sinh cầu-nguyện phúc,
Để vơi hận lòng xưa ; sầu vạn hộc...
Ta đến đây vì đạo nghĩa cương-thường,

CHIÊU-CHÁNH

Nhưng đây là nơi Phật-tự ngát trầm hương ;
Đây là chỗ không mơ-màng thế-sự,
Đây là chỗ tu hành đời tăng-lữ.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng mà khanh lòng chẳng chửa vơi nguôi,

CHIÊU-THÁNH

Không, tâu quân-vương dạ thiếp héo-khô rồi.

(Còn nữa)

SỐ 7

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

RỒI vị sư kia đi thẳng hè nhà tổ vào gian đầu gần chùa. Một lát, sau sư ông lại trở ra, theo sau có một vị sư già, da răn, má lõm, trên đầu trọc, tóc lú-nhú trắng xóa như bông nõn, mặc áo cà-sa, tay lần tràng hạt, đi đứng vững vàng, tiến lại gần chỗ Liên-Tường. Nàng vừa trông thấy, liền sụp xuống lậy :

— Bạch lậy sư Tổ !

Sư cụ liền chạy lại tận nơi, đỡ nàng dậy và nói :

— A di đà Phật ! Con là Liên-Tường, lệnh ái quan Thượng-thư trí-sĩ Phan Công-Độ à ? Tình con đáng thương, mà lòng con đáng kính. Hiếu tâm sẽ động đến Phật, Giời. Công việc của con rồi cũng có ngày phải thành. Nhưng hiện bây giờ, quyền thần mạnh thế, phép nước rối beng, khó lòng mà minh oan ngay được. Thôi, đã có lời gửi của lão ni chùa Liên-Hoa, thì con cứ nấn ná ở đây đợi ít lâu, bần-tăng coi con như người nhà chùa vậy. Hễ có dịp tốt, bần tăng sẽ hết sức giúp. Thường ở đấy cũng lắm các quan trong triều ra hành hương, để bần-tăng liệu xem.

Liên-Tường cảm động quá, ứa hai hàng nước mắt, lậy tạ :

— Trăm lạy sư-tổ, lượng hải-hà của sư-tổ đối với tiện-tín thật không bờ bến. Tiện tín được sư-tổ cho nương náu ở đây cũng là quá lòng mong mỏi rồi. Tiện-tín không dám để cửa Thiền phải bận đến công việc riêng của con.

Sư già ung-dung nói :

— Ấy chết, con chớ quá lo chi vậy. Cửa từ-bi rất rộng, cứu người sa ngã, giúp nơi oan trái là bổn-phận nhà chùa. Huống chi Phan Các-hạ trước kia là bậc quan nhân đức, danh vọng ngài tản-mạn đến cả cửa Thiền, thì bần tăng lại lấy làm hân hạnh được Phật Tổ dun dủi cho con đến đấy, bần tăng được dự phần tìm đường giúp một vị quan đại-độ và một người con gái chí hiếu như Đề Oanh đời trước. Con đừng nề hà gì, con ạ ! À, mải nói chuyện quá, bần tăng quên cả hỏi thăm : Phan Các-hạ được mấy các con ?

— Bạch sư tổ, thân phụ con chỉ được mỗi một mình con lại là phận gái, nên con nguyện còn thân này quyết phải minh oan báo thù được cho thân phụ con mới thôi !

— A-di-đà Phật ! con thành tâm chí hiếu như thế, Phật tổ phù hộ cho con chóng được như nguyện. Duyên do thế nào, con thuật lại cho bần tăng nghe. Trong thư lão ni chỉ nói sơ qua con gặp gia biến, Phan Các hạ bị kẻ gian thần hãm hại, con quyết chí minh oan thôi, chứ chưa kể ngành ngọn ra sao. Bần-tăng chưa được rõ.

Liên-Tường sụt sùi, cố nén thổn-thức, thuật lại từng ly từng tý : từ việc cầu hôn đến việc chiếm đoạt, khi nàng bị đuổi, gặp người cứu ra sao, lúc về nhà thấy cảnh tan nát thế nào, nhất nhất đều thuật lại rõ ràng cho sư già nghe. Mấy vị sư đứng quanh nghe đều ngùi ngùi thương cho thân phận cô bé và ngán cho thế-thái nhân-tình. Sư già nghe đoạn, chép miệng bảo Liên-Tường rằng :

— Gian thần cậy thế làm sằng đến thế là cùng-cực. Bất cứ việc gì oan-ức tân-nhẫn đều do cha con Nguyễn-Tân cả, có sai đâu ! Nó mà còn làm Đô-đốc kinh thành ngày nào, thì dân gian còn khổ ngày ấy. Mạc vương và nhà vua thì cao xa không thấu rõ dân-tình, cứ tin dùng nó, nó càng lộng quyền làm bậy. Chửa có người nào đủ can-đảm lý-lẽ mà bầy tỏ cho Mạc vương rõ sự tình thì dân còn là khổ !

— Bạch sư tổ, con xin nương nấu ở cửa Phật đây cũng chỉ vì việc ấy. Chóng hay chầy nhờ sư tổ vạch đường chỉ lối, con quyết cũng minh oan được cho thân phụ con và báo thù cho mọi người.

— Con dốc lòng như thế, Giời Phật sẽ giúp con chóng thành công việc. Cha con Nguyễn Tân càu giữ tàn ác quá, thần oán, dân giận. Cho nên mới xui ra gây chuyện với con để mà đến ngày tận số. Bần tăng tin thế nào con cũng rửa được thù. Thôi con đi xuống nhà dưới rửa chân tay, đi thụ trai, rồi nghỉ kẻo mệt ! Ở đây cũng như ở dưới chùa Liên-Hoa, cứ việc yên ổn mà lo công việc. Đừng nghĩ-ngợi gì cả. Rồi sư già quay ra gọi to xuống nhà dưới : Vãi Tạ đâu, lên mời tiểu-thư xuống, chỉ lối cho cô rửa chân nhá.

— Bạch cụ, vâng ạ.

Một bà lão già chạy lên trông thấy Liên-Tường vội nói :

— Cô theo tôi xuống đây.

Sư già mắng ngay :

— Vãi không được hỗn láo nhá. Đây là tiểu thư con quan Tổng-trấn Thanh-hoa trước, anh họ bần tăng. Tiểu-thư về chơi đây ít lâu, vãi phải hầu-hạ cho tử-tế, kẻo mang tiếng nhà chùa !

— Bạch cụ, vâng ạ.

Nói xong, vãi già đưa Liên Tường xuống nhà.

◆

Liên-Tường tiểu thư được nương-náu ở chùa Diên-Khánh cũng tạm yên thân, được coi như người trong nhà chùa thì không còn sợ ai làm phiền-phức. Nhưng trong tâm-trí nàng thật rối bời ; Phần thương cha già trong ngục-thất, thêm một ngày là thêm bao sự nhục-nhẫn đau khổ của cảnh lao tù đè trĩu lên trên cái thân già đã gần tới biên-thùy cõi chết. Phần thì thương mẹ già một nắng hai sương, nay phải giãi-rầu

mưa gió không biết lạc lõng phương nào. Nghĩ thế nàng lại càng căm giận kẻ giã tâm chiếm đoạt không thành lại tàn-nhẫn mà gây ra cơ-sự nhường này. Vốn sinh-trưởng ở một gia-đình lễ-nghĩa, được nuôi trong mọi vẻ yêu đương và dạy-dỗ theo khuôn phép của Khổng giáo và Phật giáo, nàng không bao giờ ngờ đến, phải, không bao giờ ngờ rằng ở đời lại có hạng người tàn-ác hơn thú dữ như vậy. Giá không gặp được bọn thuyền chài hiền hậu, và nhờ được nhà chùa giầu lòng từ bi che-chở, thì nàng không còn đủ nghị lực mà sống ở đời nữa, nàng đến thành điên dại mà tự hủy-hoại thân-thể đi rồi ! Đời, trước mắt nàng, thật là bể khổ ! Biết bao mưu mô quỷ-quyệt, biết bao cạm bẫy hung-tàn của loài người bày ra để hại loại người. Như thế thì đời còn chi là tươi, đẹp ! Còn chi là vui sống ! Nhưng may đời hãy còn được như một cái chợ bày hàng. Thôi thì đủ thứ mặt hàng : hàng tốt có, hàng xấu có, nó đối trọi nhau, cho người xem càng dễ nhận rõ thực-giá của mỗi thứ. Với cái óc non-nớt, Liên-Tường đem so-sánh vậy, rồi nàng tin ngay ở những sự ngay thẳng công-minh của nhiều người, cũng như những lòng từ-tế thương người của nhà chùa và dân chài mà nàng đã nhận rõ, nàng lại quyết chí thực hành cái ý nghĩ đầu-tiên khi ở nhà ra đi : theo gương nàng Đề-Oanh đời Hán làm sớ dâng lên Hoàng-đế, khiến oan cho cha già. Lòng hăng hái lại trở lại, sức tự tin mình và tin người thêm dồi dào, nàng trấn-tĩnh vui vẻ thảo một tờ sớ rằng :

« *Con gái tội-nhân Phan công Độ là Phan thị Liên Tường rất run rất sợ, rập đầu cúi đầu, trăm lậy dâng sớ lên :*

« *Hoàng-đế Bệ-hạ,*

« *Thánh thần văn võ, thông minh nhân trí, đức lớn sánh với Cao, Dày, lòng nhân thấm cùng cây cỏ...*

« *Lậy mong*

« *Hoàng-đế Bệ-hạ,*

« *Đem lòng thương tế-độ muôn loài minh xét nỗi oan-nồng của cha tội nữ.*

« *Cha tội nữ, Phan công Độ, từ khi mông ân Liên-triều Hoàng-đế đặc tứ hồi hưu, cùng Nhân-hưng đại vương ủy-lạo tiễu-tổng, vẫn một niềm vui thú tuổi già ở nơi thôn giã, không màng đến việc ngoài, trong lòng lúc nào cũng tưởng đến nơi đế-khuyết, không hề có manh tâm ý khác. Sớm hôm chỉ biết tụng kinh niệm Phật cho qua tháng ngày. Thế mà nay bỗng dưng bị ghép vào đại-tội, mưu phản Triều-đình, thân già thật không còn biết đem đầu kêu đâu cho được.*

« *Nay tội-nữ ngu-hèn trộm tìm ra nguyên ủy rất run rất sợ đem lậy dâng Thánh xét :*

« *Nguyên dạo trước con quan Đô-đốc đế-kinh là Nguyễn-Bái có thân hành về tận bản-quán cầu hôn với tội-nữ. Cha tội-nữ thấy con còn trẻ dại, nên có khất đợi một ít lâu. Không ngờ mấy hôm sau Nguyễn - Bái lại đem quan thuyền đang đêm đến tận nhà cướp tội nữ bỏ bao đem về. Chẳng may đến giữa đường gặp bọn cướp sông đánh phá, bao cói bị rơi xuống sông, tội nữ được thoát nạn. Việc xảy ra như vậy, Nguyễn Bái cho là tự cha tội-nữ chủ-tâm trái ý hắn đến cùng, nên hắn căm tức, nhân gặp lúc Kinh-bắc có phiến-loạn, liền xui quan Đô-đốc vu-tấu lên Hoàng đế Bệ-hạ cho cha tội-nữ mang tội với Triều-Đình.*

« *Tội-nữ thân yếu tuổi thơ, thương cha già vô tội mắc oan, vội theo gương Đề Oanh đời Hán, run sợ đem sớ đến cửa khuyết dâng lên*

« *Hoàng đế Bệ-hạ,*

« *Mong thánh ý chí-công, xét đến ẩn-tình, cho tội-nữ được thay tội cha già, bao nhiêu hình phạt của Triều-đình, tội-nữ xin cam lòng chịu gánh để cha tội nữ được làm tên dân thường áo vải, đem tuổi già tắm gội ơn Giới Bề của Cửu trùng.*

« *Tội-nữ Phan Liên Tường trăm lậy dâng sớ.*

« *Hoàng hiệu Thống nguyên thứ sáu, tháng tám, ngày...*»

Viết xong tờ sớ, Liên-Tường niêm-phong lại cẩn thận, rồi giắt vào bọc, đi ra, mong đem dâng lên được đến Hoàng-đế hay Mạc-vương. Nhưng đã bốn, năm lần, nàng đi vào các bộ trong miếu đường đều bị bọn lính canh và thuộc hạ chế nhạo chòng ghẹo, tuy cái áo nâu sồng của nhà chùa đã che chở và bênh vực nàng nhiều lắm.

Chán-nản, thất vọng, không còn tin ở việc mình nữa, nàng về chùa ủ-dột hẳn người và không thiết ăn uống gì cả. Sư già biết ý, liền tìm lời khuyên-giải :

— Bần-tăng biết con mấy hôm nay băn khoăn đi tìm nơi dâng sớ, rồi con phải thất vọng vì không chỗ nào ân-cần đón-tiếp con. Con buồn khổ. Nhưng con còn trẻ dại lắm, lòng con nhiệt thành, song ý nghĩ của con nông cạn ! Việc đời có phải thẳng-băng như mình nghĩ cả đâu. Con nên kiên-tâm vững chí ở đây, rồi thế nào cũng có ngày được việc. Chùa này đông các quan trong triều đến lễ, đợi hai, ba tuần, bần-tăng xem vị nào quyền thế và chân thành kín đáo, bần-tăng sẽ đạo-đạt cho, lo gì. Con cứ vui vẻ mà đợi. Lo buồn quá nó hại đến thân.

Còn nữa

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine

(Septembre 1939 — Jain 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

Trở lại vấn-đề phê-bình văn-học

Tiếp theo trang 4

Ông lại phê-bình về lối vẽ bản đồ ngày xưa rằng : « Lối vẽ bản đồ của ta rất là uộm-thuộm cẩu-thả, không thể coi bản đồ mà biết rõ được như chính mình đã đi tới tận nơi... » (Tế cấp bát điều).

Ấy là mới kể sơ một vài điều như thế, ta cũng đủ rõ ông Nguyễn Trường-Tộ có tri phê-bình quán-xuyến, đúng-chắc là dường nào !

Tiếc rằng, lớp trước, những bộ óc sáng-suốt như vậy rất hiếm, rất ít ; còn phần đông đều mê-say trong giấc mộng từ-chương, lò-mò già-giẫn trên đường khoa cử, đã khéo lót miệng bằng câu « minh-triết bảo thân », để khỏi sa vào cái hố « xử sĩ hoạnh nghị », lại hiểu lầm câu « thuật nhi bất tác » là cứ phải nhắm mắt thuật theo, chứ không nên sáng-tác một ý kiến gì, một tư tưởng gì ; nào có biết « bất tác » có nghĩa như « vô vi », chỉ phóng-nhậm theo tự nhiên, chứ không tác vi kiền-sức gì cả. Bởi thế, văn học giới ta mới « ăn » phải cái ác quả là chỉ biết nô-lệ thành-kiến, nô-lệ tiên-nho, nô-lệ tục-học, không mở được con đường phê bình sáng sủa, tỏa ánh sáng chân lý để chiếu rọi cho người sau !

HOA-BẰNG

Việt-Nam dược-học

Của ông Phó-đức-Thành trong bộ biên tập hội Y-học Trung-kỳ soạn

Ông Phó đức-Thành, quản lý vĩnh viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo-cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

Việt-Nam dược-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương pháp thực hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Vả lại những cây mà ông nghiên-cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giồng ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho :

mọi người và mọi gia-đình

Việt-Nam dược-học

In làm 12 cuốn dày trên dưới 2,000 trang. Mỗi tháng sẽ in ra một cuốn làm hai loại :

Loại giấy thường bán từ 0p 60 đến 1p 00

Loại đặc biệt thuần Dó bán từ 2p.00 đến 5p.00 tùy theo dày mỏng.

Cuốn thứ nhất (in lại lần thứ hai có sửa chữa và thêm nhiều điều thực nghiệm của độc giả) đến trung tuần tháng Décembre 1941 sẽ có bán, rồi cứ 40 ngày lại có cuốn sau. Khi bộ :

Việt-Nam dược-học

in xong cả 12 cuốn sẽ đóng làm 4 tập và sẽ bán :

Loại giấy thường từ 10p.00 trở lên.

Loại đặc biệt thuần Dó từ 30p.00 trở lên.

Mua trả tiền trước rất rẻ

Những ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Décembre 1941 thì phải trả có :

Bản giấy thường **6p.00** } và không phải
Bản thuần Dó **10p.00** } chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Janvier 1942 thì phải trả có

Bản giấy thường **7p.00** } và cũng không
Bản thuần Dó **12p.00** } phải chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 thì phải trả có:

Bản giấy thường 7p.00 } nhưng phải chịu cước
Bản thuần Dó 12 p00 } gửi mỗi cuốn 0p.16 tức là phải thêm 1p.92 nữa

Như vậy ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước ngày 31 Janvier 1942 được.

lợi bẩn **1p.92** *tiền cước và* **5p 00** *sách tức là lợi hơn* **6p.00** về loại giấy thường **15p.00** về bản đặc-biệt thuần Dó

Ngài nào muốn mua thử một cuốn xin gửi .

Bản giấy thường 0p 80 } cả cước gửi
Bản thuần Dó 2p.00 }

Mua một bộ sách như bộ :

Việt-Nam dược-học

để trong nhà, không những là các ngài đã nuôi được một ông lang giỏi mà thôi, nhưng chính là các ngài khuyến khích một người Việt-Nam đầu tiên đã chịu hy sinh quá nửa đời người để nghiên cứu về thuốc Nam vậy.

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Là nhà đã nhận xuất-bản các sách thuốc của hội Y-Học Trung-kỳ

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1·) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2·) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bo tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi hiệu Đức-Hưng-Tường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vũ-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N· 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Qu